

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Công văn 1108/ĐHL-ĐBCL ngày 27/10/2020
về việc thực hiện báo cáo công khai năm học 2019-2020)

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| Biểu mẫu 17-Hệ đào tạo sau đại học..... | 2 |
| Biểu mẫu 17a-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Luật..... | 8 |
| Biểu mẫu 17b-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Thương mại quốc tế | 23 |
| Biểu mẫu 17c-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị - Luật..... | 26 |
| Biểu mẫu 17d-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị kinh doanh | 31 |
| Biểu mẫu 17e-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Ngôn ngữ Anh..... | 39 |
| Biểu mẫu 18 | 51 |
| A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại | 51 |
| B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm | 51 |
| C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành..... | 51 |
| D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn..... | 52 |
| E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp..... | 54 |
| G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp | 54 |
| H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức | 55 |
| I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn..... | 57 |
| K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục..... | 57 |
| Biểu mẫu 19 | 88 |
| A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng..... | 88 |
| B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu..... | 88 |
| C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu | 89 |
| D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên | 89 |
| Biểu mẫu 20. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Tp.HCM..... | 90 |
| A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu | 90 |
| B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành..... | 91 |
| C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi..... | 91 |
| Biểu mẫu 21. Công khai tài chính của Trường ĐH Luật Tp.HCM | 100 |

Biểu mẫu 17-Hệ đào tạo sau đại học**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM****THÔNG BÁO****Công khai cam kết chất lượng đào tạo hệ sau đại học
của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học 2019-2020****1. Trình độ tiến sĩ**

| STT | Nội dung | Trình độ Tiến sĩ |
|-----|------------------------------|--|
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <p>Người dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>1. Điều kiện về văn bằng và bài báo:</p> <p>a. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành luật.</p> <p>b. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. (xem danh mục Tạp chí khoa học ngành Luật tại Phụ lục II của Thông báo tuyển sinh).</p> <p>2. Điều kiện về ngoại ngữ:</p> <p>2.1. Đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:</p> <p>a/ Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;</p> <p>b/ Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;</p> <p>c/ Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;</p> <p>d/ Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (xem Phụ lục III của Thông báo tuyển sinh) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công</p> |

| STT | Nội dung | Trình độ Tiến sĩ |
|-----|---|--|
| | | <p>nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).</p> <p>2.2. Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.</p> <p>3. Điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác: Không yêu cầu.</p> |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>1. Mục tiêu kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học. - Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. - Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới. - Kiến thức về quản trị tổ chức. <p>2. Mục tiêu kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. - Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn. - Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển. - Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu. <p>3. Mục tiêu về thái độ thể hiện qua mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới. - Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau. - Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. - Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia. - Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới. |

| STT | Nội dung | Trình độ Tiến sĩ |
|-----|---|--|
| | | <p>4. Về trình độ ngoại ngữ:</p> <p>Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p> |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | <p>1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ có khối lượng học tập tối thiểu là 94 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 130 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.</p> <p>2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm:</p> <p>a/ Các học phần bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu nhưng khác chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, phải học bổ sung các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành ở chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu của chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. - Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ theo định hướng ứng dụng đúng chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, phải học bổ sung một hoặc một số học phần ở chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu của chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành trình độ tiến sĩ, nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu sinh. - Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ theo định hướng ứng dụng nhưng khác chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, ngoài việc phải học bổ sung các học phần nêu ở đoạn trên, nghiên cứu sinh còn phải học bổ sung các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành ở chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. - Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, phải học bổ sung toàn bộ các học phần bắt buộc và tự chọn của chuyên ngành đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, trừ học phần ngoại ngữ và luận văn thạc sĩ. <p>Hiệu trưởng xem xét, quyết định các học phần bổ sung và tổng số tín chỉ của các học phần bổ sung đối với từng trường hợp cụ thể thuộc</p> |

| STT | Nội dung | Trình độ Tiến sĩ |
|-----|---|--|
| | | <p>một trong các đối tượng phải học bổ sung kiến thức trên cơ sở căn cứ vào bảng điểm học phần ở bậc đại học và bậc thạc sĩ do các cơ sở đào tạo đã cấp cho nghiên cứu sinh.</p> <p>b/ Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các học phần bắt buộc bao gồm: Tiểu luận tổng quan (có khối lượng 04 tín chỉ); 03 chuyên đề tiến sĩ (mỗi chuyên đề tiến sĩ có khối lượng 02 tín chỉ); học phần trang bị kỹ năng và phương pháp nghiên cứu luật học (có khối lượng 02 tín chỉ). - Các học phần tự chọn có nội dung gắn kết với đề tài nghiên cứu của luận án có tổng khối lượng từ 02 đến 08 tín chỉ. <p>c/ Luận án tiến sĩ:</p> <p>Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.</p> <p>3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải được rà soát và chỉnh sửa, cập nhật ít nhất 03 năm một lần. Việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định pháp luật và quyết định của Hiệu trưởng.</p> |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Có thể theo học các chương trình sau tiến sĩ |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | <ol style="list-style-type: none"> 1. Các cơ sở đào tạo luật, các viện nghiên cứu chính sách pháp luật. 2. Bộ phận pháp chế hoặc chính sách trong các cơ quan hành chính sự nghiệp. 3. Các cơ quan trong khối ngành tư pháp. 4. Các công ty luật, văn phòng luật sư hoặc luật sư |

2. Trình độ thạc sĩ

| STT | Nội dung | Trình độ thạc sĩ |
|-----|------------------------------|---|
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <p>Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam và phải có các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành luật</p> <p>a/ Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.</p> <p>b/ Những thí sinh tốt nghiệp của các hình thức đào tạo tự học có hướng dẫn không được dự thi.</p> <p>2. Về thâm niên công tác chuyên môn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện về thâm niên công tác không áp dụng đối với thí sinh dự thi vào trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu. |

| STT | Nội dung | Trình độ Tiến sĩ |
|-----|---|---|
| | | <p>- Thí sinh hệ chính quy sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật 3 năm, thí sinh hệ vừa học vừa làm sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật 2 năm mới được đăng ký dự thi vào trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng.</p> <p>3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.</p> <p>4. Có đủ sức khoẻ để học tập.</p> <p>5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo</p> |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>1. Mục tiêu kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. - Kiến thức liên ngành có liên quan. - Kiến thức chung về quản trị và quản lý. <p>2. Mục tiêu kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; - Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. - Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. - Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. <p>3. Mục tiêu về thái độ thể hiện qua mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. - Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. <p>4. Về trình độ ngoại ngữ:</p> <p>Có thể hiểu được ý chính của một đoạn văn hay phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.</p> |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, | |

| STT | Nội dung | Trình độ Tiến sĩ |
|-----|---|--|
| | sinh hoạt cho người học | |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | <p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và/hoặc định hướng ứng dụng.</p> <p>1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu tối thiểu 60 tín chỉ nhằm cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> <p>2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng tối thiểu 45 tín chỉ giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | <p>1. Đối với thạc sĩ nghiên cứu có thể tiếp tục theo học trình độ tiến sĩ tương ứng với ngành tốt nghiệp thạc sĩ.</p> <p>2. Đối với thạc sĩ ứng dụng và thạc sĩ nghiên cứu khác ngành đào tạo để có thể tiếp tục theo học trình độ tiến sĩ sẽ phải học bổ sung một số tín chỉ theo quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | <p>1. Các cơ sở đào tạo luật, các viện nghiên cứu chính sách pháp luật.</p> <p>2. Bộ phận pháp chế hoặc chính sách trong các cơ quan hành chính sự nghiệp.</p> <p>3. Các cơ quan trong khối ngành tư pháp.</p> <p>4. Các công ty luật, văn phòng luật sư hoặc luật sư. <i>Me</i></p> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Hoàng Hải
Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17a-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Luật

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học
2019-2020, ngành: Luật, chính quy và văn bằng 2 chính quy

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|------------------------------|---|--|--|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <p>1. Vùng tuyển: Trong cả nước</p> <p>- Tổ hợp môn xét tuyển: A00, A01, C00, D01, 03, 06;</p> <p>- Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020 (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (Chi tiết xem: Đề án tuyển sinh 2020)</p> | <p>- Đối tượng tuyển sinh: Là những sinh viên đang theo học Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh (gồm hệ đại trà và hệ chất lượng cao), ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Điều kiện tuyển sinh:</p> <p>+ Đã học xong học kỳ thứ 2 của Chương trình đào tạo ngành thứ nhất;</p> <p>+ Có điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm đăng ký học đạt từ 2,00 trở lên (tức xếp loại trung bình trở lên);</p> <p>+ Khi theo học Chương trình đào tạo liên thông, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong Chương trình đào tạo ngành thứ nhất;</p> <p>+ Trong quá trình theo học Chương trình đào tạo liên thông sang ngành thứ 2 nếu sinh viên có điểm trung bình</p> | <p>- Vùng tuyển: Trong cả nước.</p> <p>- Điều kiện: Đã có bằng đại học hệ chính quy.</p> <p>- Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Theo Kế hoạch và Quy định của Trường trên cơ sở Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|---|---|---|--|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | | | chung học kỳ đạt dưới 2,00 (tức thuộc diện xếp hạng học lực yếu) thì phải dừng việc đăng ký học các học phần trong Chương trình đào tạo liên thông ở học kỳ tiếp theo. | |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>2.1. Mục tiêu về kiến thức: Đào tạo đội ngũ cử nhân Luật có đạo đức, tri thức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay; Có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; Có tinh thần tôn trọng pháp luật; Có kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng vận dụng kiến thức về pháp luật và ngoại ngữ, có khả năng tự duy độc lập, kỹ năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn, năng động và tích cực; Có sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu công việc của đơn vị sử dụng lao động.</p> <p>2.2. Mục tiêu về kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để | <p>2.1. Mục tiêu về kiến thức: Đào tạo đội ngũ cử nhân Luật có đạo đức, tri thức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay; Có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; Có tinh thần tôn trọng pháp luật; Có kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng vận dụng kiến thức về pháp luật và ngoại ngữ, có khả năng tự duy độc lập, kỹ năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn, năng động và tích cực; Có sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu công việc của đơn vị sử dụng lao động.</p> <p>2.2. Mục tiêu về kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng chung:</p> | <p>2.1. Mục tiêu về kiến thức: Đào tạo đội ngũ cử nhân Luật có đạo đức, tri thức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay; Có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; Có tinh thần tôn trọng pháp luật; Có kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng vận dụng kiến thức về pháp luật và ngoại ngữ, có khả năng tự duy độc lập, kỹ năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn, năng động và tích cực; Có sức khỏe, đáp</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|---|---|--|---------------|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | <p>giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; Kỹ năng phân tích luật; Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng; Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>Ngoài những kỹ năng chung đối với tất cả sinh viên ngành Luật, tùy theo Khoa, sinh viên có thể có thêm các kỹ năng sau:</p> <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Thương mại</i>: Tư vấn, soạn thảo các văn bản pháp lý trong hoạt động của doanh nghiệp; tư vấn các vấn đề pháp lý và giải quyết tình huống pháp lý phát sinh cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến các lĩnh vực: <i>Doanh nghiệp, Thương mại, Đầu tư, Cạnh tranh, Giải quyết tranh chấp thương mại, Thuế, Ngân hàng, Đất đai, Môi trường, Kinh doanh bất động sản, Kinh doanh chứng khoán.</i></p> <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Dân sự</i>: Phân tích, bình luận bản án, quyết định của cơ quan tài phán; Nghiên cứu, giải quyết những vấn đề pháp lý về Tài sản, Thừa kế, Hợp đồng, Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Sở hữu trí tuệ, Tố tụng dân sự, Hôn nhân gia đình, Lao động; Kỹ năng đàm phán, thương lượng, soạn thảo hợp đồng, thỏa ước lao động tập thể.</p> | <p>- Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; Kỹ năng phân tích luật; Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng; Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thực. Ngoài ra, đối với sinh viên các Lớp chất lượng cao còn có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <p>- Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn</p> | <p>ứng được yêu cầu công việc của đơn vị sử dụng lao động.</p> <p>2.2. Mục tiêu về kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng chung: Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; Kỹ năng phân tích luật; Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng; Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; Có kỹ năng viết và trình</p> | |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|---|---|--|---------------|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Hình sự</i>: Có kỹ năng tư vấn, soạn thảo văn bản cho hoạt động pháp lý trong tố tụng hình sự. Có kỹ năng trong việc bảo vệ quyền lợi của cá nhân, cơ quan, tổ chức, kỹ năng tư vấn, giải quyết các tình huống phát sinh trong lĩnh vực tư pháp hình sự, tranh tụng, thi hành án và lĩnh vực đấu tranh phòng ngừa tội phạm.</p> <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Hành chính</i>: Có kỹ năng lập luận, giải quyết các vấn đề pháp lý khác. Tư vấn và thực hành kỹ năng hoạt động ĐBQH, đại biểu HĐND, các cơ quan của Quốc hội, của Chủ tịch nước, Chính phủ. HĐND, UBND...Có khả năng thực hiện thủ tục khiếu kiện hành chính. Tư vấn ban hành các quyết định quản lý; hoạt động thanh tra.</p> <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Quốc tế</i>: Tư vấn và giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn kinh doanh thương mại giữa các đối tác trong nước và nước ngoài; Tư vấn về hoạt động kinh doanh và áp dụng luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế; Đàm phán, ký kết và thực hiện cũng như giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh thương mại quốc tế.</p> <p>+ <i>Sinh viên các lớp thuộc chương trình đào tạo chất</i></p> | <p>trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên ngành Luật phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu từ 500 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế (<i>hoặc có chứng chỉ TOEFL, IELTS tương đương còn giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm, tính đến ngày tốt nghiệp theo thông báo của Nhà trường</i>).</p> | <p>bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thực. Ngoài ra, đối với sinh viên các Lớp chất lượng cao còn có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <p>- Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với</p> | |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|----------|---|----------------------|---|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | | <p><i>lượng cao</i>: Kết hợp và nâng cao các kỹ năng của sinh viên các Khoa theo nhóm chuyên ngành: Thương mại - Dân sự - Quốc tế hoặc Hành chính - Tư pháp.</p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục. Ngoài ra, đối với sinh viên các Lớp chất lượng cao còn có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; | | <p>công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Theo quy định của Trường, chuẩn đầu ra ngoại ngữ là tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương) với điểm tối thiểu phải đạt là 400 điểm, còn giá trị áp dụng trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp chứng chỉ/ phiếu điểm theo kế hoạch của Trường hoặc học và thi đạt yêu cầu theo chuẩn mới theo quy định của Nhà trường (<i>theo chương trình 6 đơn vị học trình</i>).</p> <p>Những trường hợp sau đây được công nhận đã đạt</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|----------|--|----------------------|---|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | | <p>- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp ra trường, tùy theo từng khoa/ lớp/ chương trình sinh viên ngành Luật phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu từ 550 - 650 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế (hoặc có chứng chỉ TOEFL, IELTS tương đương còn giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm, tính đến ngày tốt nghiệp theo thông báo của Nhà trường).</p> <p>a) Sinh viên Khoa Luật Hình sự và Hành chính: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 500 điểm TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương);</p> <p>b) Sinh viên Khoa Luật Dân sự và Quốc tế: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 520 điểm TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương);</p> <p>c) Sinh viên Khoa Luật Thương mại: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 550 điểm TOEIC quốc tế (hoặc</p> | | <p>chuẩn đầu ra tiếng Anh:</p> <p>a) Đã có bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành ngôn ngữ Anh (không phân biệt loại hình đào tạo);</p> <p>b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ở trong và ngoài nước mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh. Trường hợp sinh viên sử dụng bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (du học toàn phần tại nước ngoài, liên kết đào tạo với nước ngoài, học từ xa, học tại cơ sở giáo dục nước ngoài đặt tại Việt Nam...) để đề nghị được xét miễn ngoại ngữ theo quy định, phải nộp đơn đề nghị xét miễn học phần, kèm bản sao (có chứng thực) của: (1) Bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt của văn bằng tốt nghiệp và (2) Giấy công nhận văn bằng tốt nghiệp do Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp theo quy định hiện hành;</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|--|--|---|---|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | | <p>TOEFL, IELTS tương đương);</p> <p>d) Sinh viên Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Anh (<i>nhóm chuyên ngành Luật Thương mại - Dân sự - Quốc tế và nhóm chuyên ngành Luật Hành chính - Tư pháp</i>): trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 650 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>) áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2020 trở về sau;</p> <p>e) Sinh viên Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp (<i>AUF</i>): trình độ tiếng Pháp phải đạt tối thiểu DELF-B1;</p> <p>f) Sinh viên Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật: trình độ tiếng Nhật phải đạt tối thiểu JLPT3 (N3).</p> | | <p>c) Đã có chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (<i>theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>) đạt từ trình độ trung cấp (từ bậc 3/6) trở lên do một trong các cơ sở đào tạo trong nước được cấp theo thông báo số Cục Quản lý chất lượng - Bộ GD&ĐT (tùy thời điểm).</p> |
| III | <p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p> | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <p>- Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi;</p> | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <p>- Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những</p> | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <p>- Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|---|---|---|---------------|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | <p>- Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo.</p> <p>- Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học;</p> <p>- Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên;</p> <p>- Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Hàng</p> | <p>sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi;</p> <p>- Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo.</p> <p>- Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học;</p> <p>- Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương</p> | <p>doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi;</p> <p>- Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình;</p> <p>- Tổ chức sinh hoạt quy hế đào tạo để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho sinh viên năm thứ nhất mới nhập học;</p> <p>- Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời;</p> <p>- Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo</p> | |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|---|---|---|---------------|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | <p>năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên nghiên cứu khoa học để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; | <p>trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên nghiên cứu khoa học để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng | <p>thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.</p> | |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|--|--|--|--|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | | <p>- Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng;</p> <p>- Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.</p> | <p>bảo các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng;</p> <p>- Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời;</p> <p>- Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng;</p> <p>- Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.</p> | |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | <p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Luật hiện tại có 5 chương trình (gồm: 01 chương trình đại trà và 4 chương trình chất lượng cao), cụ thể:</p> <p>4.1. Chương trình đào tạo đại trà: Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Luật hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 2227/QĐ-ĐHL ngày 22/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh);</p> | <p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Luật hiện tại có 2 chương trình (gồm: 02 chương trình đại trà và 1 chương trình chất lượng cao), cụ thể:</p> <p>4.1. Chương trình đào tạo đại trà: Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học, từ ngành Quản trị kinh doanh sang ngành Luật hệ chính quy và Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học, từ ngành Ngôn ngữ Anh sang ngành Luật hệ</p> | <p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Luật văn bằng 2 hiện tại có 01 chương trình (Ban hành kèm theo Quyết định số 679/QĐ-ĐHL ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh).</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|----------|---|--|---------------|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | | <p>4.2. Chương trình đại trà:</p> <p>a) Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Luật hệ chính quy - nhóm các chuyên ngành Thương mại - Dân sự - Quốc tế (Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh);</p> <p>b) Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Luật hệ chính quy, tăng cường tiếng Pháp - nhóm các chuyên ngành Thương mại - Dân sự - Quốc tế (Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh);</p> <p>c) Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Luật hệ chính quy, tăng cường tiếng Nhật - nhóm các chuyên ngành Thương mại - Dân sự - Quốc tế (Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh);</p> <p>d) Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Luật hệ chính quy - nhóm các chuyên ngành Hành chính - Tư pháp (Ban hành kèm theo</p> | <p>chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-ĐHL ngày 12/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>4.2. Chương trình đào tạo chất lượng cao: Chương trình đào tạo trình độ đại học, liên thông từ ngành Quản trị kinh doanh sang ngành Luật hệ chính quy, chất lượng cao (Ban hành kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-ĐHL ngày 12/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành phố Hồ Chí Minh).</p> | |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|---|--|---|--|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | | <i>Quyết định số 1009/QĐ-ĐHL ngày 16/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh).</i> | | |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Tốt nghiệp ngành Luật, sinh viên được cấp bằng cử nhân Luật và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Luật. | Tốt nghiệp ngành Luật, sinh viên được cấp bằng cử nhân Luật và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Luật. | Tốt nghiệp ngành Luật, sinh viên được cấp bằng cử nhân Luật và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Luật. |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | <p>Trong quá trình học tập tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội rất lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật được cấp bằng cử nhân Luật và có thể công tác tại các cơ quan như sau:</p> <p>6.1. Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan Trung ương và địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng,</p> | <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật được cấp bằng cử nhân Luật và có thể công tác tại các cơ quan như sau:</p> <p>6.1. Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan Trung ương và địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật, các cơ quan quản lý</p> | |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|--|---|--|---------------|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | <p>phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; Cán bộ trong các bộ phận phụ trách về tổ chức - nhân sự trong các cơ quan, tổ chức; Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường... Trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án.</p> <p>6.2. Làm việc trong các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng, các Trung tâm trọng tài thương mại... của Việt Nam và nước ngoài.</p> <p>6.3. Làm việc trong các tổ chức Chính trị, Chính trị - Xã hội: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức Chính trị - Xã hội; Công tác tại các tổ chức quốc tế Liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm</p> | <p>cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; Cán bộ trong các bộ phận phụ trách về tổ chức - nhân sự trong các cơ quan, tổ chức; Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường... Trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án.</p> <p>6.2. Làm việc trong các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng, các Trung tâm trọng tài thương mại... của Việt Nam và nước ngoài.</p> <p>6.3. Làm việc trong các tổ chức Chính trị, Chính trị - Xã hội: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức Chính trị - Xã hội; Công tác tại các tổ chức quốc tế Liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm</p> | <p>nhà nước, cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; Cán bộ trong các bộ phận phụ trách về tổ chức - nhân sự trong các cơ quan, tổ chức; Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường... Trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án.</p> <p>6.2. Làm việc trong các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng, các Trung tâm trọng tài thương mại... của Việt Nam và nước ngoài.</p> <p>6.3. Làm việc trong các tổ chức Chính trị, Chính trị - Xã hội: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức Chính trị - Xã hội; Công tác</p> | |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|---|--|---|---------------|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | <p>nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp quốc tế)...</p> <p>6.4. Làm việc trong các doanh nghiệp: Với vai trò là chuyên gia tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài, tư vấn và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại, dân sự quốc tế, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa... cho doanh nghiệp Việt Nam ở trong nước và nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, tư vấn để giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.</p> <p>6.5. Đàm nhận công tác giảng dạy: Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo (các viện nghiên cứu; giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học và Phổ thông...).</p> <p>6.6. Làm việc trong các cơ quan nghiên cứu: Với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về Hành chính - Chính trị.</p> | <p>phán ký kết các hợp đồng thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại, dân sự quốc tế, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa... cho doanh nghiệp Việt Nam ở trong nước và nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, tư vấn để giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.</p> <p>6.5. Đàm nhận công tác giảng dạy: Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo (các viện nghiên cứu; giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học và Phổ thông...).</p> <p>6.6. Làm việc trong các cơ quan nghiên cứu: Với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về Hành chính - Chính trị.</p> | <p>tại các tổ chức quốc tế Liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp quốc tế)...</p> <p>6.4. Làm việc trong các doanh nghiệp: Với vai trò là chuyên gia tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài, tư vấn và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại, dân sự quốc tế, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa... cho doanh nghiệp Việt Nam ở trong nước và nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, tư vấn để giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.</p> | |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | | |
|-----|----------|------------------|----------------------|--|
| | | Đại học | | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy | VB2 chính quy |
| | | | | <p>6.5. Đảm nhận công tác giảng dạy: Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo (các viện nghiên cứu; giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học và Phổ thông...).</p> <p>6.6. Làm việc trong các cơ quan nghiên cứu: Với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về Hành chính - Chính trị. <i>lu</i></p> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Hoàng Hải
Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17b-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Thương mại quốc tế
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường ĐH Luật Tp.HCM
năm học 2019-2020, ngành: Luật Thương mại quốc tế, chính quy

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo Đại học Chính quy |
|----|---|--|
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Vùng tuyển: Trong cả nước - Tổ hợp môn xét tuyển: A₀₁, D_{01,03,06}, D_{66,69,70}, D_{84,87,88}; - Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020 (<i>ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>) và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (<i>Chi tiết xem: Đề án tuyển sinh 2020</i>) |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>2.1. Mục tiêu về kiến thức: đào tạo cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế có năng lực chuyên môn cao, có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng được nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức pháp lý chung và pháp luật thương mại quốc tế chuyên sâu, bên cạnh các kỹ năng cần thiết cho những người công tác trong môi trường đầu tư, kinh doanh, dịch vụ pháp lý có yếu tố nước ngoài. Tốt nghiệp ngành này, người học có kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về luật thương mại quốc tế và có khả năng sử dụng các kiến thức đã học trong môi trường pháp lý hiện đại.</p> <p>2.2. Kỹ năng: chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên nắm bắt được các kỹ năng pháp lý căn bản cần thiết trong các giao dịch thương mại quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng giải quyết những vấn đề pháp lý trong các hoạt động kinh tế - thương mại trong nước và xuyên quốc gia. Ngoài ra, cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế cũng sẽ được đào tạo phát triển kiến thức và kỹ năng làm việc bằng ngôn ngữ tiếng Anh trong quá trình học. Chương trình cũng chú trọng giáo dục về thái độ và đạo đức nghề nghiệp thông qua một số môn học thuộc kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề. <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Theo chương trình quốc tế: Khi ra trường, sinh viên ngành Luật Thương mại quốc tế phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu 550 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế.</p> |

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo Đại học Chính quy |
|-----|---|---|
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học; - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên; - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên nghiên cứu khoa học để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu. |
| IV | Chương trình đào tạo mà | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Luật Thương mại quốc tế hiện tại có 01 chương trình (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 2253/QĐ-</i> |

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo Đại học Chính quy |
|----|---|---|
| | nhà trường thực hiện | ĐHL ngày 01/12/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh) |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Tốt nghiệp ngành Luật Thương mại quốc tế, sinh viên được cấp bằng cử nhân Luật Thương mại quốc tế và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Luật. |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | <p>Trong quá trình học tập tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội rất lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Thương mại quốc tế được cấp bằng cử nhân Luật Thương mại quốc tế và có thể công tác tại: các doanh nghiệp có hoạt động liên quan tới thương mại quốc tế, tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thương mại, đầu tư, cơ quan tư pháp và làm luật sư tại các công ty luật hoặc công ty tư vấn cũng như tại các tổ chức quốc tế. Với khối kiến thức đa dạng, phong phú, các cử nhân tốt nghiệp ngành này có nhiều thuận lợi khi làm việc tại các hiệp hội ngành nghề, các loại hình công ty trong và ngoài nước hoặc có thể công tác tại các cơ sở giáo dục và các Viện Nghiên cứu pháp luật.</p> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải
Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17c-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị - Luật
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học 2019-2020, ngành: Quản trị - Luật, chính quy

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo Đại học Chính quy |
|----|---|--|
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <p>- Vùng tuyển: Trong cả nước</p> <p>- Tổ hợp môn xét tuyển: A₀₀, A₀₁, D_{01,03,06}, D_{84,87,88};</p> <p>- Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020 (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (Chi tiết xem: Đề án tuyển sinh 2020)</p> |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>2.1. Mục tiêu kiến thức: Chương trình song ngành Quản trị - Luật cho phép sinh viên nắm bắt được các kỹ năng về cả 2 lĩnh vực Quản trị và Luật. Sinh viên ngành Quản trị - Luật, sau khi tốt nghiệp có khả năng giải quyết những vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành doanh nghiệp, quản lý nhà nước. Đồng thời, có khả năng thực hiện các dịch vụ tư vấn kinh doanh, tài chính, quản trị và pháp lý với cái nhìn tổng thể nhờ những kiến thức tổng hợp từ cả hai lĩnh vực Quản trị và Luật.</p> <p>2.2. Kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng cứng: Kỹ năng tranh luận và giải quyết vấn đề dưới góc độ người làm công tác pháp lý; Kỹ năng nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản trị nhân sự, kỹ năng tư duy suy luận logic, kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng lập kế hoạch trong kinh doanh, kỹ năng nhận dạng vấn đề, phân tích vấn đề; Kỹ năng vận dụng luật vào trong công tác quản trị.</p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy lôgic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thực. Ngoài ra, đối với sinh viên các Lớp chất lượng cao còn có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <p>- Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> |

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo Đại học Chính quy |
|-----|---|---|
| | | <p>- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp ra trường, tùy theo từng chương trình sinh viên ngành Quản trị - Luật phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu từ 550 - 650 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế (<i>hoặc có chứng chỉ TOEFL, IELTS tương đương còn giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm, tính đến ngày tốt nghiệp theo thông báo của Nhà trường</i>).</p> <p>a) Sinh viên Đại trà: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 550 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>);</p> <p>b) Sinh viên chất lượng cao: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 650 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>).</p> |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <p>- Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi;</p> <p>- Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo.</p> <p>- Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học;</p> <p>- Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên;</p> <p>- Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên nghiên cứu khoa học để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao;</p> |

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo Đại học Chính quy |
|----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu. |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | <p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Quản trị - Luật hiện tại có 02 chương trình (<i>gồm: 01 chương trình đại trà và 01 chương trình chất lượng cao</i>), cụ thể:</p> <p>4.1. Chương trình đào tạo đại trà: Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Luật hệ chính quy (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 2485/QĐ-ĐHL ngày 12/12/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh</i>);</p> <p>4.2. Chương trình đào tạo chất lượng cao: Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Quản trị - Luật (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh</i>).</p> |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | <p>Tốt nghiệp ngành Quản trị - Luật, sinh viên được cấp bằng 02 bằng (<i>bằng cử nhân ngành Luật và bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh</i>) và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Luật và ngành Quản trị kinh doanh.</p> |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | <p>Trong quá trình học tập tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị,</p> |

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo Đại học Chính quy |
|----|----------|--|
| | | <p>sinh viên sẽ có cơ hội rất lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị - Luật được cấp bằng 02 bằng (<i>bằng cử nhân ngành Luật và bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh</i>), có thể làm việc tại các mảng công việc: Dịch vụ công cộng, Thương mại, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tư vấn quản trị, Tư vấn luật kinh doanh; Các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính trong và ngoài nước, các hiệp hội ngành nghề, các công ty tư vấn. Với vị trí công việc: Chuyên viên và lãnh đạo các phòng chức năng trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; Chuyên viên pháp lý (<i>soạn thảo văn bản, biên bản, hợp đồng.v.v...</i>), cố vấn pháp lý trong các doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính; Chuyên viên hoặc bộ phận Kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; Chuyên viên tư vấn tại các công ty tư vấn luật, tư vấn quản trị trong và ngoài nước; Công chức tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; Có khả năng tự khởi nghiệp như thành lập doanh nghiệp với vai trò người chủ và người quản lý.</p> <p>6.1. Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan Trung ương và địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; Cán bộ trong các bộ phận phụ trách về tổ chức - nhân sự trong các cơ quan, tổ chức; Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường... Trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án.</p> <p>6.2. Làm việc trong các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng, các Trung tâm trọng tài thương mại... của Việt Nam và nước ngoài.</p> <p>6.3. Làm việc trong các tổ chức Chính trị, Chính trị - Xã hội: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức Chính trị - Xã hội; Công tác tại các tổ chức quốc tế Liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp quốc tế)...</p> <p>6.4. Làm việc trong các doanh nghiệp: Với vai trò là chuyên gia tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài, tư vấn và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại, dân sự quốc tế, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa... cho doanh nghiệp Việt Nam ở trong nước và nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, tư vấn để giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.</p> |

| TT | Nội dung | Trình độ đào tạo Đại học Chính quy |
|----|----------|--|
| | | <p>6.5. Đảm nhận công tác giảng dạy: Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo (các viện nghiên cứu; giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học và Phổ thông...).</p> <p>6.6. Làm việc trong các cơ quan nghiên cứu: <i>Với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về Hành chính - Chính trị.</i> <i>h</i></p> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải

Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17d-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị kinh doanh
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Tp.HCM
năm học 2019-2020, ngành: Quản trị kinh doanh, chính quy**

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|------------------------------|--|---|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Vùng tuyển: Trong cả nước - Tổ hợp môn xét tuyển: A₀₀, A₀₁, D_{01,03,06}, D_{84,87,88}; - Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020 (<i>ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>) và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (<i>Chi tiết xem: Đề án tuyển sinh 2020.</i>) | <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng: Là sinh viên đang theo học Chương trình đào tạo ngành Luật (<i>gồm hệ đại trà và hệ chất lượng cao</i>) của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> + Đã học xong học kỳ thứ 2 của Chương trình đào tạo ngành Luật; + Có điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm đăng ký học đạt từ 2,00 trở lên (tức xếp loại trung bình trở lên); + Khi theo học Chương trình đào tạo liên thông, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong Chương trình đào tạo ngành Luật; + Trong quá trình theo học Chương trình đào tạo liên thông sang ngành Quản trị kinh doanh nếu sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 (<i>tức thuộc diện xếp hạng học lực yếu</i>) thì phải dừng việc đăng ký học các học phần trong Chương trình đào tạo liên thông ở học kỳ tiếp theo. |
| II | Mục tiêu kiến | 2.1. Mục tiêu kiến thức: Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Quản trị | 2.1. Mục tiêu kiến thức: Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Quản trị |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--|--|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | <p>thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p> | <p>kinh doanh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ được trang bị tốt kiến thức về quản trị kinh doanh mà còn được trang bị một lượng kiến thức cơ bản về pháp luật Kinh doanh, Dân sự, Quốc tế phục vụ cho những vị trí công việc sẽ đảm nhiệm đối với một nhà quản trị sau này.</p> <p>2.2. Kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng cứng: Có khả năng vận dụng quy định luật pháp trong giải quyết các vấn đề kinh tế và ngành đào tạo; Khả năng thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp như phân tích, đánh giá các hoạt động của doanh nghiệp; Khả năng thực hiện các quy định về thuế và các nghĩa vụ khác; Tham gia triển khai các hoạt động tác nghiệp trong kinh doanh; Tìm hiểu và vận dụng hiệu quả tâm lý kinh doanh để duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp; Có khả năng chủ động tìm hiểu và vận dụng quy định pháp luật áp dụng trong các hoạt động của doanh nghiệp; Có khả năng tham gia thực hiện quản trị các hoạt động trong doanh nghiệp: <i>Marketing, tổ chức, nhân lực, sản xuất, tác nghiệp, công nghệ, tài chính, kế toán, hoạt động đầu tư...</i></p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập; Tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân, có khả năng làm việc nhóm và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo; Có khả năng giao tiếp tốt (<i>kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, qua email</i>).</p> | <p>kinh doanh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ được trang bị tốt kiến thức về quản trị kinh doanh mà còn được trang bị một lượng kiến thức cơ bản về pháp luật Kinh doanh, Dân sự, Quốc tế phục vụ cho những vị trí công việc sẽ đảm nhiệm đối với một nhà quản trị sau này.</p> <p>2.2. Kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng cứng: Có khả năng vận dụng quy định luật pháp trong giải quyết các vấn đề kinh tế và ngành đào tạo; Khả năng thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp như phân tích, đánh giá các hoạt động của doanh nghiệp; Khả năng thực hiện các quy định về thuế và các nghĩa vụ khác; Tham gia triển khai các hoạt động tác nghiệp trong kinh doanh; Tìm hiểu và vận dụng hiệu quả tâm lý kinh doanh để duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp; Có khả năng chủ động tìm hiểu và vận dụng quy định pháp luật áp dụng trong các hoạt động của doanh nghiệp; Có khả năng tham gia thực hiện quản trị các hoạt động trong doanh nghiệp: <i>Marketing, tổ chức, nhân lực, sản xuất, tác nghiệp, công nghệ, tài chính, kế toán, hoạt động đầu tư...</i></p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập; Tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân, có khả năng làm việc nhóm và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo; Có khả năng giao tiếp tốt (<i>kỹ năng thuyết trình và đàm phán</i></p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|--|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>2.3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề. <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp ra trường, tùy theo từng chương trình sinh viên ngành Quản trị kinh doanh phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu từ 550 - 650 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế (<i>hoặc có chứng chỉ TOEFL, IELTS tương đương còn giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm, tính đến ngày tốt nghiệp theo thông báo của Nhà trường</i>).</p> <p>a) Sinh viên Đại trà: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 550 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>);</p> <p>b) Sinh viên chất lượng cao: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu</p> | <p><i>trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, qua email).</i></p> <p>2.3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề. <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp ra trường, tùy theo từng chương trình sinh viên ngành Quản trị kinh doanh phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu từ 550 - 650 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế (<i>hoặc có chứng chỉ TOEFL, IELTS tương đương còn giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm, tính đến ngày tốt nghiệp theo thông báo của Nhà trường</i>).</p> <p>a) Sinh viên Đại trà: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 550 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>);</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---|---|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | 650 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>). | b) Sinh viên chất lượng cao: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 650 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>). |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học; - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học; - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|--|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>của Trường Đại Luật Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên nghiên cứu khoa học để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; | <p>sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên nghiên cứu khoa học để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--|---|---|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>- Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng;</p> <p>- Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.</p> <p>* Đặc biệt: Sau khi tốt nghiệp và được cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, nếu có nguyện vọng theo học chương trình văn bằng 2 hệ chính quy ngành Luật, sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh sẽ được xét tuyển thẳng vào học mà không cần phải thi tuyển sinh đầu vào. Các học phần đã học ở văn bằng 1 nếu đáp ứng điều kiện theo quy định sẽ được xét chuyển điểm.</p> | <p>công khai, dân chủ, đúng đối tượng;</p> <p>- Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời;</p> <p>- Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng;</p> <p>- Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.</p> <p>* Đặc biệt: Sau khi tốt nghiệp và được cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, nếu có nguyện vọng theo học chương trình văn bằng 2 hệ chính quy ngành Luật, sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh sẽ được xét tuyển thẳng vào học mà không cần phải thi tuyển sinh đầu vào. Các học phần đã học ở văn bằng 1 nếu đáp ứng điều kiện theo quy định sẽ được xét chuyển điểm.</p> |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | <p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Quản trị kinh doanh hiện tại có 02 chương trình (<i>gồm: 01 chương trình đại trà và 01 chương trình chất lượng cao</i>), cụ thể:</p> <p>4.1. Chương trình đào tạo đại trà: Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Quản trị kinh doanh hệ chính quy (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 2485/QĐ-ĐHL ngày 12/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh</i>);</p> | <p>Chương trình đào tạo mà Nhà trường thực hiện đối với chương trình liên thông ngành Quản trị kinh doanh hiện tại có 01 chương trình, cụ thể: Chương trình đào tạo trình độ đại học, liên thông từ ngành Luật sang ngành Quản trị kinh doanh hệ chính quy (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-ĐHL ngày 12/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành phố Hồ Chí Minh</i>).</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---|---|---|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>4.2. Chương trình đào tạo chất lượng cao: Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Quản trị kinh doanh (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh</i>).</p> | |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, sinh viên được cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Quản trị kinh doanh. | Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, sinh viên được cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Quản trị kinh doanh. |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | <p>Trong quá trình học tập tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh được cấp bằng Quản trị kinh doanh, có thể làm việc tại các mảng công việc: Dịch vụ công cộng, Thương mại, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tư vấn quản trị, Tư vấn luật kinh doanh; Các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính trong và ngoài nước, các hiệp hội ngành nghề, các công ty tư vấn. Với vị trí công việc: Chuyên viên và lãnh đạo các phòng chức năng trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; Chuyên viên pháp lý (soạn thảo văn bản, biên bản, hợp đồng.v.v...), cố vấn pháp lý trong các doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính; Chuyên viên hoặc bộ phận Kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; Chuyên viên tư vấn tại các công ty tư vấn luật, tư vấn quản trị trong và ngoài nước; Công chức tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; Có khả năng tự khởi nghiệp như thành lập doanh nghiệp với vai trò người chủ và người quản lý.</p> | Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh được cấp bằng Quản trị kinh doanh, có thể làm việc tại các mảng công việc: Dịch vụ công cộng, Thương mại, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tư vấn quản trị, Tư vấn luật kinh doanh; Các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính trong và ngoài nước, các hiệp hội ngành nghề, các công ty tư vấn. Với vị trí công việc: Chuyên viên và lãnh đạo các phòng chức năng trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; Chuyên viên pháp lý (soạn thảo văn bản, biên bản, hợp đồng.v.v...), cố vấn pháp lý trong các doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính; Chuyên viên hoặc bộ phận Kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; Chuyên viên tư vấn tại các công ty tư vấn luật, tư vấn quản trị trong và ngoài nước; Công chức tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; Có khả năng tự khởi nghiệp như thành lập doanh nghiệp với vai trò người chủ và người quản lý. |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | kinh doanh; Chuyên viên pháp lý (soạn thảo văn bản, biên bản, hợp đồng.v.v...), cố vấn pháp lý trong các doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính; Chuyên viên hoặc bộ phận Kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; Chuyên viên tư vấn tại các công ty tư vấn luật, tư vấn quản trị trong và ngoài nước; Công chức tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; Có khả năng tự khởi nghiệp như thành lập doanh nghiệp với vai trò người chủ và người quản lý. <i>HL</i> | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020



Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17e-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Ngôn ngữ Anh
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM
THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học 2019-2020, ngành: Ngôn ngữ Anh, chính quy

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--------------------------------------|--|---|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Vùng tuyển: Trong cả nước - Tổ hợp môn xét tuyển: D₀₁, D₁₄, D₆₆, D₈₄; - Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020 (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (<i>Chi tiết xem: Đề án tuyển sinh 2020</i>). | <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng: Là sinh viên đang theo học Chương trình đào tạo ngành Luật hoặc ngành Quản trị kinh doanh (gồm hệ đại trà và hệ chất lượng cao) của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> + Đã học xong học kỳ thứ 2 của Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh; + Có điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm đăng ký học đạt từ 2,50 trở lên (tức xếp loại khá trở lên); + Có trình độ tiếng Anh đạt 4,0 IELTS trở lên (hoặc đạt trình độ tiếng Anh tương đương 4,0 IELTS do Nhà trường tổ chức); + Khi theo học Chương trình đào tạo liên thông, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh; + Trong quá trình theo học Chương trình đào tạo liên thông sang ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý nếu sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 (tức thuộc diện xếp hạng học lực yếu) thì phải dừng việc đăng ký học các học phần trong Chương trình đào tạo liên thông ở học kỳ tiếp theo. |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ | <p>2.1. Mục tiêu kiến thức</p> <p>2.2.1. Kiến thức chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa Mác-Lênin; Đường lối cách | <p>2.1. Mục tiêu kiến thức</p> <p>2.2.1. Kiến thức chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa Mác-Lênin; Đường lối cách mạng Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--------------------------------|--|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | và trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>mạng Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý như Lý luận về Nhà nước và pháp luật, Lôgích học, Văn học Anh - Mỹ và Văn hóa Anh - Mỹ; - Có các kiến thức về luật như luật dân sự, hành chính, thương mại, quốc tế. - Nắm vững kiến thức chung về ngôn ngữ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức về tiếng Việt: Ôn luyện và hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về tiếng Việt (rèn luyện các kỹ năng về chính tả, dùng từ, viết câu; góp phần củng cố và phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Việt ở mức độ cao); giúp sinh viên có khả năng sử dụng chuẩn xác tiếng Việt (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe nói hoặc đọc văn bản, kỹ năng xây dựng văn bản, bố cục văn bản, viết đoạn văn, chuyên ý, chuyên đoạn...); + Kiến thức về ngôn ngữ học: những kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giữa ngôn ngữ và tư duy; cung cấp những kiến thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu tiếng Anh và làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ; + Kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu: những kiến thức lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với tiếng Anh nhằm hiểu sâu hơn | <ul style="list-style-type: none"> - Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý như Lý luận về Nhà nước và pháp luật, Lôgích học, Văn học Anh - Mỹ và Văn hóa Anh - Mỹ; - Có các kiến thức về luật như luật dân sự, hành chính, thương mại, quốc tế. - Nắm vững kiến thức chung về ngôn ngữ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức về tiếng Việt: Ôn luyện và hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về tiếng Việt (rèn luyện các kỹ năng về chính tả, dùng từ, viết câu; góp phần củng cố và phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Việt ở mức độ cao); giúp sinh viên có khả năng sử dụng chuẩn xác tiếng Việt (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe nói hoặc đọc văn bản, kỹ năng xây dựng văn bản, bố cục văn bản, viết đoạn văn, chuyên ý, chuyên đoạn...); + Kiến thức về ngôn ngữ học: những kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giữa ngôn ngữ và tư duy; cung cấp những kiến thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu tiếng Anh và làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ; + Kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu: những kiến thức lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với tiếng Anh nhằm hiểu sâu hơn cả hai ngôn ngữ; cung cấp các thao tác cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ. <p>2.2.2. Kiến thức chuyên sâu:</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>cả hai ngôn ngữ; cung cấp các thao tác cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.</p> <p>2.2.2. Kiến thức chuyên sâu:</p> <p>Ngoài kiến thức chung, sinh viên có thêm các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực ngôn ngữ chuyên ngành pháp lý như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về ngữ âm học tiếng Anh: Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh, lời nói và ký hiệu phiên âm tiếng Anh; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm tiếng Anh; các quy luật biến đổi của âm vị tiếng Anh nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực phát âm tốt và khả năng tự sửa âm cho bản thân. Sinh viên có thể tự hoàn thiện phát âm của bản thân, phát triển khả năng giao tiếp tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc tự nghiên cứu một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực này; - Kiến thức cơ bản về ngữ pháp học tiếng Anh: những hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ pháp trong phạm vi từ pháp học và một số phương pháp nghiên cứu ngữ pháp tương ứng để giúp họ có một kiến thức nhất định trong việc nghiên cứu ngôn ngữ. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích và đánh giá về một số vấn đề có liên quan; - Kiến thức về Ngữ nghĩa học tiếng Anh: những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa học, bao gồm: kiến thức về nghĩa và các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học để họ có những kiến thức nhất định trong việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ. Phát triển năng lực nghiên cứu, bước đầu biết đánh | <p>Ngoài kiến thức chung, sinh viên có thêm các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực ngôn ngữ chuyên ngành pháp lý như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về ngữ âm học tiếng Anh: Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh, lời nói và ký hiệu phiên âm tiếng Anh; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm tiếng Anh; các quy luật biến đổi của âm vị tiếng Anh nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực phát âm tốt và khả năng tự sửa âm cho bản thân. Sinh viên có thể tự hoàn thiện phát âm của bản thân, phát triển khả năng giao tiếp tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc tự nghiên cứu một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực này; - Kiến thức cơ bản về ngữ pháp học tiếng Anh: những hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ pháp trong phạm vi từ pháp học và một số phương pháp nghiên cứu ngữ pháp tương ứng để giúp họ có một kiến thức nhất định trong việc nghiên cứu ngôn ngữ. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích và đánh giá về một số vấn đề có liên quan; - Kiến thức về Ngữ nghĩa học tiếng Anh: những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa học, bao gồm: kiến thức về nghĩa và các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học để họ có những kiến thức nhất định trong việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ. Phát triển năng lực nghiên cứu, bước đầu biết đánh giá phê phán một số lý thuyết ngữ nghĩa học và phát triển một số thủ pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học cụ thể. Nội dung gồm: khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa; các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|--|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>giá phê phán một số lý thuyết ngữ nghĩa học và phát triển một số thủ pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học cụ thể. Nội dung gồm: khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa; các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm...; các quan hệ ý (sense relations); quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic; ý nghĩa của câu và của phát ngôn (bao gồm cả các cách nhìn nhận về hàm ngôn, tiền giả định...); kỹ năng và phương pháp nghiên cứu đối với một số vấn đề cụ thể; khả năng tư duy và phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học;</p> <p>- Kiến thức về tiếng Anh pháp lý: các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết pháp lý liên quan đến các lĩnh vực như luật bất động sản, các lĩnh vực hành nghề của một công ty luật, hiểu một hợp đồng cho thuê; luật sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế về giải pháp kinh doanh, luật về nhãn hiệu; công cụ giao dịch thanh toán, lệnh phiếu, việc xây dựng luật điều phối các công cụ giao dịch điện tử; các giao dịch bảo đảm, thư tín nội bộ; con nợ - chủ nợ, luật phá sản, những cơ hội nghề nghiệp từ các vụ phá sản; luật cạnh tranh, các hoạt động chống cạnh tranh, những thay đổi về quy định sáp nhập công ty;</p> <p>- Kiến thức về ngữ pháp và kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp lý: các điểm ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực pháp lý; các kỹ năng soạn thảo tài liệu, văn bản cần thiết cho việc hoạt động nghề nghiệp từ các vụ phá sản; luật cạnh tranh, các hoạt động chống cạnh tranh, những thay đổi về quy định sáp nhập công ty;</p> <p>- Kiến thức về ngữ pháp và kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp lý: các điểm ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực pháp lý; các kỹ năng soạn thảo tài liệu, văn bản cần thiết cho việc hoạt động nghề nghiệp sau này. Ví</p> | <p>truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm...; các quan hệ ý (sense relations); quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic; ý nghĩa của câu và của phát ngôn (bao gồm cả các cách nhìn nhận về hàm ngôn, tiền giả định...); kỹ năng và phương pháp nghiên cứu đối với một số vấn đề cụ thể; khả năng tư duy và phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học;</p> <p>- Kiến thức về tiếng Anh pháp lý: các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết pháp lý liên quan đến các lĩnh vực như luật bất động sản, các lĩnh vực hành nghề của một công ty luật, hiểu một hợp đồng cho thuê; luật sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế về giải pháp kinh doanh, luật về nhãn hiệu; công cụ giao dịch thanh toán, lệnh phiếu, việc xây dựng luật điều phối các công cụ giao dịch điện tử; các giao dịch bảo đảm, thư tín nội bộ; con nợ - chủ nợ, luật phá sản, những cơ hội nghề nghiệp từ các vụ phá sản; luật cạnh tranh, các hoạt động chống cạnh tranh, những thay đổi về quy định sáp nhập công ty;</p> <p>- Kiến thức về ngữ pháp và kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp lý: các điểm ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực pháp lý; các kỹ năng soạn thảo tài liệu, văn bản cần thiết cho việc hoạt động nghề nghiệp sau này. Ví dụ như: lý thuyết về kỹ năng soạn thảo tài liệu, văn bản pháp lý như các bước để viết một văn bản pháp lý, cách trình bày một văn bản pháp lý, đạo đức trong soạn thảo văn bản pháp lý, cách lựa chọn thuật ngữ pháp lý tránh gây nhầm lẫn và hậu quả pháp lý... Sinh viên cũng được thực hành viết các loại văn bản, tài liệu pháp lý như soạn thư báo giá, bảng liệt kê các tài liệu, công việc phải làm</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>dụ như: lý thuyết về kỹ năng soạn thảo tài liệu, văn bản pháp lý như các bước để viết một văn bản pháp lý, cách trình bày một văn bản pháp lý, đạo đức trong soạn thảo văn bản pháp lý, cách lựa chọn thuật ngữ pháp lý tránh gây nhầm lẫn và hậu quả pháp lý... Sinh viên cũng được thực hành viết các loại văn bản, tài liệu pháp lý như soạn thư báo giá, bảng liệt kê các tài liệu, công việc phải làm cho một vụ việc hay vụ án, soạn thảo hợp đồng.</p> <p>- Kiến thức về thuật ngữ pháp lý: các thuật ngữ chuyên ngành luật được sử dụng phổ biến trong một số lĩnh vực pháp lý như dân sự, thương mại, hình sự, hành chính, quốc tế. Môn học này sẽ giúp sinh viên biết cách dùng các thuật ngữ pháp lý phổ biến nhất trong các lĩnh vực pháp luật nói trên. Sinh viên nắm được nghĩa và cách dùng các thuật ngữ trong ngữ cảnh phù hợp. Sinh viên cũng có cơ hội so sánh các thuật ngữ pháp lý của các quốc gia theo hệ thống thông luật với thuật ngữ pháp lý của Việt Nam.</p> <p>- Kiến thức về Biên phiên dịch pháp lý: dịch từ Anh sang Việt và từ Việt sang Anh chính xác và lưu loát các loại văn bản hành chính, thư tín, tài liệu, văn bản pháp lý, hợp đồng trong các lĩnh vực như: dân sự, thương mại, quốc tế. Sinh viên được cung cấp các cấu trúc ngữ pháp pháp lý, các mẫu, dạng tài liệu pháp lý. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp từ vựng pháp lý bằng tiếng Anh và tiếng Việt, phương pháp tra cứu từ vựng bằng tự điển chuyên ngành và trên các website chuyên ngành. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm trong biên dịch.</p> <p>- Kiến thức về Biên phiên dịch pháp lý: dịch từ Anh sang Việt và từ Việt sang Anh chính xác và lưu loát các loại văn bản hành chính, thư tín, tài liệu, văn bản pháp lý, hợp đồng trong các lĩnh vực như: dân sự, thương mại, quốc tế. Sinh viên được cung cấp các cấu trúc ngữ pháp pháp lý, các mẫu, dạng tài liệu pháp lý. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp từ vựng pháp lý bằng tiếng Anh và tiếng Việt, phương pháp tra cứu từ vựng bằng tự điển chuyên ngành và trên các website chuyên ngành. Sinh</p> | <p>cho một vụ việc hay vụ án, soạn thảo hợp đồng.</p> <p>- Kiến thức về thuật ngữ pháp lý: các thuật ngữ chuyên ngành luật được sử dụng phổ biến trong một số lĩnh vực pháp lý như dân sự, thương mại, hình sự, hành chính, quốc tế. Môn học này sẽ giúp sinh viên biết cách dùng các thuật ngữ pháp lý phổ biến nhất trong các lĩnh vực pháp luật nói trên. Sinh viên nắm được nghĩa và cách dùng các thuật ngữ trong ngữ cảnh phù hợp. Sinh viên cũng có cơ hội so sánh các thuật ngữ pháp lý của các quốc gia theo hệ thống thông luật với thuật ngữ pháp lý của Việt Nam.</p> <p>- Kiến thức về Biên phiên dịch pháp lý: dịch từ Anh sang Việt và từ Việt sang Anh chính xác và lưu loát các loại văn bản hành chính, thư tín, tài liệu, văn bản pháp lý, hợp đồng trong các lĩnh vực như: dân sự, thương mại, quốc tế. Sinh viên được cung cấp các cấu trúc ngữ pháp pháp lý, các mẫu, dạng tài liệu pháp lý. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp từ vựng pháp lý bằng tiếng Anh và tiếng Việt, phương pháp tra cứu từ vựng bằng tự điển chuyên ngành và trên các website chuyên ngành. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm trong biên dịch.</p> <p>2.2. Kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng cứng</p> <p>- Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong môi trường pháp lý; Kỹ năng biên, phiên dịch các văn bản pháp lý; Kỹ năng tra cứu, chọn lọc thuật ngữ pháp lý; Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; Kỹ năng phân tích luật;</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>viên được rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm trong biên dịch.</p> <p>2.2. Kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong môi trường pháp lý; Kỹ năng biên, phiên dịch các văn bản pháp lý; Kỹ năng tra cứu, chọn lọc thuật ngữ pháp lý; Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; Kỹ năng phân tích luật; - Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; - Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng. <p>2.2.2. Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; - Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; - Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thực; - Có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động (đối với Sinh viên Lớp chất lượng cao). <p>2.3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan; - Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, có đạo đức tốt, có lòng nhân ái; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; - Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề ngày một hiệu quả cao; | <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; - Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng. <p>2.2.2. Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; - Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; - Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thực; - Có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động (đối với Sinh viên Lớp chất lượng cao). <p>2.3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan; - Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, có đạo đức tốt, có lòng nhân ái; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; - Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề ngày một hiệu quả cao; |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, có đạo đức tốt, có lòng nhân ái; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; - Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề ngay một hiệu quả cao; - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe. <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp ra trường phải đạt trình độ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Anh: đạt từ 6,5 IELTS trở lên; - Ngoại ngữ thứ 2: có một trong năm thứ tiếng đạt trình độ: <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng Pháp: đạt từ DELF A2 trở lên; + Tiếng Nhật: đạt từ JLPT N4 trở lên; + Tiếng Nga: đạt từ TRKI 1 trở lên; + Tiếng Trung: đạt từ HSK 3 trở lên; + Tiếng Đức: đạt từ ZD trở lên. + Nếu sinh viên không đạt năng lực Ngoại ngữ thứ 2 của một trong năm thứ tiếng theo quy định nêu trên thì chuẩn trình độ tiếng Anh phải đạt từ 7,0 IELTS trở lên. | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe. <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp ra trường phải đạt trình độ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Anh: đạt từ 6,5 IELTS trở lên; - Ngoại ngữ thứ 2: có một trong năm thứ tiếng đạt trình độ: <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng Pháp: đạt từ DELF A2 trở lên; + Tiếng Nhật: đạt từ JLPT N4 trở lên; + Tiếng Nga: đạt từ TRKI 1 trở lên; + Tiếng Trung: đạt từ HSK 3 trở lên; + Tiếng Đức: đạt từ ZD trở lên. + Nếu sinh viên không đạt năng lực Ngoại ngữ thứ 2 của một trong năm thứ tiếng theo quy định nêu trên thì chuẩn trình độ tiếng Anh phải đạt từ 7,0 IELTS trở lên. |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---|--|---|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | trên thi chuẩn trình độ tiếng Anh phải đạt từ 7,0 IELTS trở lên. | |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học; - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh | <p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học; - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên nghiên cứu khoa học để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân | <p>đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên nghiên cứu khoa học để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể thao cho sinh viên học và sử dụng; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu. |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---|--|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng;</p> <p>- Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.</p> <p>* Đặc biệt: Sau khi tốt nghiệp và được cấp bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, nếu có nguyện vọng theo học chương trình văn bằng 2 hệ chính quy ngành Luật, sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh sẽ được xét tuyển thẳng vào học mà không cần phải thi tuyển sinh đầu vào. Các học phần đã học ở văn bằng 1 nếu đáp ứng điều kiện theo quy định sẽ được xét chuyển điểm.</p> | <p>* Đặc biệt: Sau khi tốt nghiệp và được cấp bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, nếu có nguyện vọng theo học chương trình văn bằng 2 hệ chính quy ngành Luật, sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh sẽ được xét tuyển thẳng vào học mà không cần phải thi tuyển sinh đầu vào. Các học phần đã học ở văn bằng 1 nếu đáp ứng điều kiện theo quy định sẽ được xét chuyển điểm.</p> |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Ngôn ngữ Anh hiện tại có 01 chương trình (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 855 /QĐ-ĐHL, ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh</i>). | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Ngôn ngữ Anh hiện tại có 02 chương trình đào tạo liên thông, cụ thể: Chương trình đào tạo trình độ đại học liên thông từ ngành Luật sang ngành Ngôn ngữ Anh và Chương trình đào tạo trình độ đại học liên thông từ ngành Quản trị kinh doanh sang ngành Ngôn ngữ Anh (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-ĐHL ngày 12/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành phố Hồ Chí Minh</i>). |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên được cấp bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Ngôn ngữ Anh. | Tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên được cấp bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Ngôn ngữ Anh. |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | Trong quá trình học tập tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy | Trong quá trình học tập tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|--|---|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý có thể làm việc trong các lĩnh vực đòi hỏi kiến thức tổng hợp tiếng Anh và Luật, như: dịch thuật, dịch vụ công cộng, công ty, thương mại/ kinh doanh quốc tế, làm luật sư tư vấn và tranh tụng trong các tranh chấp thương mại quốc tế. Với khối kiến thức đa dạng, phong phú, các cử nhân tốt nghiệp ngành này có nhiều thuận lợi khi làm việc tại các hiệp hội ngành nghề, các loại hình công ty trong và ngoài nước và đặc biệt là góp phần đáng kể vào việc nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh vẫn còn hạn chế của đa số cử nhân luật làm trong các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Ngoài ra, với khối kiến thức ngôn ngữ, văn hóa - văn học Anh, Mỹ được trang bị, người học có thể làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục có đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, sau khi học và được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.</p> <p>Bên cạnh đó, sau khi đạt trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, người học được học lên ở các bậc học cao hơn tại các</p> | <p>năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý có thể làm việc trong các lĩnh vực đòi hỏi kiến thức tổng hợp tiếng Anh và Luật, như: dịch thuật, dịch vụ công cộng, công ty, thương mại/ kinh doanh quốc tế, làm luật sư tư vấn và tranh tụng trong các tranh chấp thương mại quốc tế. Với khối kiến thức đa dạng, phong phú, các cử nhân tốt nghiệp ngành này có nhiều thuận lợi khi làm việc tại các hiệp hội ngành nghề, các loại hình công ty trong và ngoài nước và đặc biệt là góp phần đáng kể vào việc nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh vẫn còn hạn chế của đa số cử nhân luật làm trong các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Ngoài ra, với khối kiến thức ngôn ngữ, văn hóa - văn học Anh, Mỹ được trang bị, người học có thể làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục có đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, sau khi học và được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.</p> <p>Bên cạnh đó, sau khi đạt trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, người học được học lên ở các bậc học cao hơn tại các</p> |

| Stt | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | cơ sở giáo dục có đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. <i>W</i> | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020



Biểu mẫu 18

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Luật Tp.HCM
năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

| STT | Khối ngành | Quy mô sinh viên hiện tại | | | | | | | |
|-----|----------------|---------------------------|---------|---------------------|-----------------|------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | Cao đẳng sư phạm | | Trung cấp sư phạm | |
| | | | | Chính quy (VB1+VB2) | Vừa làm vừa học | Chính quy | Vừa làm vừa học | Chính quy | Vừa làm vừa học |
| | Tổng số | | | | | | | | |
| 1 | Khối ngành III | 90 | 1239 | 7.023 | 2997 | | | | |
| 2 | Khối ngành VII | 0 | 0 | 256 | 0 | | | | |

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

| STT | Khối ngành | Số sinh viên tốt nghiệp | Phân loại tốt nghiệp (%) | | | Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)* |
|-----|----------------|------------------------------|--------------------------|-----------|----------|--|
| | | | Loại xuất sắc | Loại giỏi | Loại khá | |
| | Tổng số | 3154 | 0 | 113 | 1159 | |
| 1 | Khối ngành III | 1.405 | 0 | 110 | 1.141 | Năm 2018: Luật: 96,0% SVTN được khảo sát có việc làm; Quản trị Luật: 96,0 %; QTKD: 93,0%. |
| | | 1734 (SV không chính quy) | 0 | 0 | 06 | |
| 2 | Khối ngành VII | 15 | 0 | 3 | 12 | Năm 2018: Ngôn ngữ Anh: 89,0% |

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Trình độ đại học:

https://drive.google.com/drive/folders/16v1qvgyZJ_sWx7RqFBBXv_aPGApSPXCG?usp=sharing

2. Trình độ sau đại học <http://daotao.hcmulaw.edu.vn/Default.aspx?TopicId=0e151244-116e-469e-bdb1-1d9b842a1eda>

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn (GT: Giáo trình; TBG: Tập bài giảng)

| STT | Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) | Năm xuất bản | Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo |
|-----|---|--------------|---|
| 1 | Bình luận khoa học luật xử lý vi phạm hành chính 2012 | 2017 | Trường thường xuyên có kế hoạch in mới và tái bản định kỳ theo học kỳ và đợt xuất. Thực hiện theo quy định của luật đấu thầu và quy định của Nhà Trường |
| 2 | Bình luận những điểm mới trong Bộ luật Dân sự năm 2015: tái bản 2020 | 2020 | |
| 3 | Bình luận những điểm mới trong Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 | 2016 | |
| 4 | Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng trong pháp luật Việt Nam: sách chuyên khảo | 2019 | |
| 5 | Giải thích và bình luận Luật tố tụng hành chính năm 2015 | 2017 | |
| 6 | Giáo trình bầu cử trong nhà nước và pháp quyền Việt Nam. | 2017 | |
| 7 | Giáo trình công pháp quốc tế: Phần 1 | 2013 | |
| 8 | Giáo trình công pháp quốc tế: Phần 2 | 2013 | |
| 9 | Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận | 2018 | |
| 10 | Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản | 2018 | |
| 11 | Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản | 2017 | |
| 12 | Giáo trình lịch sử nhà nước và PL thế giới | 2013 | |
| 13 | Giáo trình lịch sử nhà nước và PL Việt Nam | 2013 | |
| 14 | Giáo trình luật đất đai | 2017 | |
| 15 | Giáo trình luật hành chính Việt Nam | 2017 | |
| 16 | Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam | 2017 | |
| 17 | Giáo trình luật hình sự: phần các tội phạm: Quyển 1 | 2013 | |
| 18 | Giáo trình luật HS: phần các tội phạm: Quyển 2 | 2013 | |
| 19 | Giáo trình luật hình sự: phần chung | 2019 | |
| 20 | Giáo trình luật hôn nhân gia đình Việt Nam | 2016 | |
| 21 | Giáo trình luật lao động | 2013 | |
| 22 | Giáo trình luật sở hữu trí tuệ | 2020 | |
| 23 | Giáo trình luật thuế | 2016 | |
| 24 | Giáo trình luật thương mại quốc tế: phần 1 | 2013 | |
| 25 | Giáo trình luật thương mại quốc tế: phần 2 | 2015 | |
| 26 | Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam | 2017 | |
| 27 | Giáo trình ngân hàng | 2018 | |
| 28 | Giáo trình những quy định chung về luật dân sự | 2017 | |
| 29 | Giáo trình pháp luật hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 2017 | |

| STT | Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) | Năm xuất bản | Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo |
|-----|--|--------------|---|
| 30 | Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại | 2012 | |
| 31 | Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh | 2016 | |
| 32 | Giáo trình pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế | 2019 | |
| 33 | Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ | 2017 | |
| 34 | Giáo trình tâm lý học đại cương | 2013 | |
| 35 | Giáo trình tổ tụng hành chính Việt Nam | 2019 | |
| 36 | Giáo trình tổ tụng hình sự Việt Nam | 2018 | |
| 37 | Giáo trình tội phạm học | 2013 | |
| 38 | Giáo trình tư pháp quốc tế | 2019 | |
| 39 | Giáo trình xã hội học đại cương | 2012 | |
| 40 | Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: T1 | 2018 | |
| 41 | Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng T1 | 2016 | |
| 42 | Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: T2 | 2018 | |
| 43 | Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: T2 | 2016 | |
| 44 | Luật hợp đồng Việt Nam: Bản án và bình luận bản án: T2 | 2018 | |
| 45 | Luật hợp đồng Việt Nam: Bản án và bình luận bản án: T.2 | 2017 | |
| 46 | Luật hợp đồng Việt Nam: Bản án và bình luận bản án T1 | 2018 | |
| 47 | Luật hợp đồng Việt Nam: Bản án và bình luận bản án T1 | 2017 | |
| 48 | Luật nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự Việt Nam: Bản án, Bình luận bản án/ T1 | 2017 | |
| 49 | Luật nghĩa vụ dân sự và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự Việt Nam: Bản án, Bình luận bản án/ T2 | 2017 | |
| 50 | Luật thừa kế Việt Nam bản án và bình luận bản án- T2 | 2016 | |
| 51 | Luật thừa kế Việt Nam: bản án và bình luận bản án - T1 | 2019 | |
| 52 | Luật thừa kế Việt Nam: bản án và bình luận bản án - T2 | 2019 | |
| 53 | Pháp luật về trọng tài thương mại Việt Nam: Bản án và bình luận bản án: Tập 2 | 2017 | |

| STT | Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) | Năm xuất bản | Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo |
|-----|---|--------------|---|
| 54 | Pháp luật về trọng tài thương mại Việt Nam: Bản án và bình luận bản án: Tập 1 | 2017 | |
| 55 | Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước | 2018 | |
| 56 | Sách tinh huống (bình luận bản án) luật Sở hữu trí tuệ: sửa đổi, bổ sung | 2019 | |
| 57 | Sách tinh huống Luật hôn nhân và gia đình | 2018 | |
| 58 | Sách tinh huống luật Sở hữu trí tuệ | 2016 | |
| 59 | Sách tinh huống pháp luật về Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng | 2019 | |
| 60 | Sách tinh huống pháp luật về pháp luật thương mại, hàng hóa, dịch vụ | 2019 | |
| 61 | TBG đại cương văn hóa Việt Nam | 2017 | |
| 62 | TBG giám định pháp y | 2018 | |
| 63 | TBG lịch sử văn minh thế giới | 2009 | |
| 64 | TBG Logic học | 2013 | |
| 65 | TBG lý luận về nhà nước | 2017 | |
| 66 | TBG lý luận về pháp luật | 2017 | |
| 67 | TBG pháp luật công chứng luật sư | 2017 | |
| 68 | TBG Thanh tra, khiếu nại và tố cáo | 2017 | |
| 69 | TBG tin học đại cương MOS-Word | 2017 | |

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

| TT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Người thực hiện | Người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|----|------------------|---|-----------------|-----------------|------------------|
| 1 | Tiến sĩ | http://sdh.hcmulaw.edu.vn/vi/bieu-mau-267/thong-ke-de-tai-luan-an-tien-si-cap-nhat-den-ngay-31-08-2019 | | | |
| 2 | Thạc sĩ | http://sdh.hcmulaw.edu.vn/vi/bieu-mau-267/thong-ke-de-tai-luan-van-thac-si-luat-cap-nhat-den-ngay-13-08-2019 | | | |
| 3 | Đại học | https://drive.google.com/file/d/1fS1k-iQl_e0tEKYk9ydfxqAo8a7NBn1-/view?usp=sharing | | | |

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

| STT | Tên đơn vị đặt hàng đào tạo | Số lượng | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Kết quả đào tạo |
|-----|-----------------------------------|----------|--------------------------------|---|---------------------------------|
| 1 | Công ty TNHH Quản lý tài sản VSIP | 03 khóa | Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ | Vận dụng pháp luật hình sự trong hoạt động bảo vệ | Số lượng học viên: 466 học viên |

| STT | Tên đơn vị đặt hàng đào tạo | Số lượng | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Kết quả đào tạo |
|-----|--|----------|--------------------------------|---------------------------------------|---|
| 2 | Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | 01 khóa | Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ | Luật chứng khoán 2019 | Số lượng học viên: 40 - Phát trực tiếp đến 06 điểm cầu tại các đơn vị thành viên |
| 3 | Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần | 01 khóa | Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ | Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2020 | Số lượng học viên: 40 - Phát trực tiếp đến 06 điểm cầu tại các đơn vị thành viên |
| 4 | Công ty TNHH Aeon Delight (Việt Nam) | 02 khóa | Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ | Tâm lý học tội phạm | Số lượng học viên: 100 học viên |

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

| STT | Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học | Thời gian tổ chức | Địa điểm tổ chức | Số lượng đại biểu tham dự |
|-----|--|-------------------|--|---------------------------|
| 1. | Hội thảo khoa học “Những điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2020” | 09/9/2020 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 100 |
| 2. | Hội thảo khoa học “Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài theo Tư pháp quốc tế Việt Nam và các nước – Nhìn từ góc độ thực tiễn” | 28/07/2020 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 80 |
| 3. | Hội thảo khoa học với chủ đề “Khung pháp lý cho hoạt động kinh doanh nhà chung cư và bất động sản thương mại, dịch vụ”. | 16/7/2020 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 120 |
| 4. | Hội thảo quốc tế “Hệ thống pháp luật các nước ASEAN” | 08/7/2020 | Hội trường A905, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 40 |
| 5. | Hội thảo: Sách Tình huống (Bình luận bản án) về Tố tụng Dân sự | 08/7/2020 | Hội trường A905, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 30 |
| 6. | Hội thảo khoa học cấp Trường “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức – Những điểm | 30/6/2020 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 150 |

| STT | Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học | Thời gian tổ chức | Địa điểm tổ chức | Số lượng đại biểu tham dự |
|-----|---|-------------------|--|---------------------------|
| | mới và định hướng áp dụng” | | | |
| 7. | Hội thảo khoa học “Góp ý dự thảo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư” | 11/3/2020 | Hội trường A905, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 30 |
| 8. | Hội thảo quốc tế “Hiệp định đối tác khu vực: cơ cấu, quy định và thực thi” | 26/11/2019 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 150 |
| 9. | Hội thảo khoa học quốc tế “Thỏa thuận đối tác của các nền kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương: Cấu trúc, tiêu chuẩn và thực thi” | 25/11/2019 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 100 |
| 10. | Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Khung pháp lý về thành lập, quản trị và chuyển đổi các loại hình nhà trường” | 24/11/2019 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 50 |
| 11. | Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Hoàn thiện hệ thống văn bản dưới luật để triển khai thực hiện Luật Giáo dục 2019” | 22/11/2019 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 100 |
| 12. | Hội thảo quốc tế “Góp ý dự thảo Bộ Luật Lao động 2012 (sửa đổi)” | 16/10/2019 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 191 |
| 13. | Hội thảo khoa học quốc tế “Chế tài trong pháp luật xử phạt vi phạm hành chính ở Việt Nam và kinh nghiệm của một số quốc gia” | 04/10/2019 | Hội trường A1002, Trường ĐH Luật Tp. HCM | 170 |

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|---|---------------------|-----------------------|--|
| 1 | Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người làm công gây ra | - Chủ nhiệm: Nguyễn Trương Tín - Thành viên: Nguyễn Hồ Bích Hằng, Lê Hà Huy Phát, Nguyễn Tấn Hoàng Hải | - TAND Tp. HCM - Tòa án nhân dân các địa phương khác ở Việt Nam | 4/2019-3/2020 | 55 | - Đề tài sẽ là một công trình khoa học mới, sáng tạo và rất có giá trị để tham khảo trong hoạt động lập pháp, hoạt động xây dựng pháp luật liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người làm công gây ra nói riêng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người khác gây ra cũng như chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung trong Bộ luật Dân sự. - Đề tài sẽ là một công trình khoa học mới, sáng tạo và rất có giá trị để tham khảo trong hoạt động áp dụng pháp luật, cụ thể là trong hoạt động thực tiễn xét xử ở Tòa án liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người làm công gây ra nói riêng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người khác gây ra cũng như chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung trong Bộ luật Dân sự. |
| 2 | Hoà giải theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam | - Chủ nhiệm: Lê Huỳnh Tấn Duy - Thành viên: Đinh Văn Đoàn, Lê Thị Thùy Dương, Nguyễn | - Công an Tp. HCM - VKSND Tp. HCM - TAND Tp. HCM - VKSND cấp cao tại Tp. HCM | 4/2019-3/2020 | 60 | - Đối với hoạt động lập pháp: Cung cấp một nguồn tài liệu tham khảo có giá trị về hoà giải trong lĩnh vực hình sự. Cơ quan lập pháp có thể chắc lọc những kiến nghị hợp lý trong công trình NCKH này làm cơ sở sửa đổi, bổ sung khung pháp lý |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|--|---------------------|-----------------------|---|
| | | Phuong Thảo | <ul style="list-style-type: none"> - TAND cấp cao tại Tp. HCM - VKSND tối cao - TAND tối cao | | | <p>tư pháp hình sự trong tương lai.</p> <p>- Đối với hoạt động nghiên cứu:</p> <p>Bổ sung nguồn thông tin mới, căn bản về chế định hòa giải trong lĩnh vực hình sự cho các nhà nghiên cứu luật học, góp phần hình thành nhận thức ban đầu về những nội dung xoay quanh chủ đề này. Từ đó tạo động lực để họ tiếp tục thực hiện những công trình nghiên cứu chuyên sâu hơn và toàn diện hơn nữa về hòa giải trong lĩnh vực hình sự.</p> <p>- Đối với công tác giảng dạy, tuyên truyền và áp dụng pháp luật:</p> <p>Đội ngũ giảng viên của các cơ sở đào tạo luật sẽ có thêm một công trình nghiên cứu khoa học để tham khảo, bổ sung kiến thức chuyên môn. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng sẽ có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về đặc điểm và những ích lợi của hòa giải trong lĩnh vực hình sự; mạnh dạn áp dụng và áp dụng đúng quy định của pháp luật vào thực tiễn.</p> |
| 3 | Giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm: Đinh Văn Đoàn - Thành viên: Trần Quốc Minh, Vũ Thị Quyên | <ul style="list-style-type: none"> - VKSND Tp. HCM và VKSND một số quận, huyện; - TAND Tp. HCM và TAND một số quận, huyện. | 4/2019-3/2020 | 50 | Công trình nghiên cứu khoa học này sẽ là một tài liệu tham khảo có chất lượng, phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên, SV, học viên chuyên ngành luật cũng như cán bộ của các cơ |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|---|---------------------|-----------------------|--|
| | hình sự Việt Nam | | | | | quan tư pháp, đặc biệt là cơ quan tiến hành tố tụng. |
| 4 | Hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự 2015 | - Chủ nhiệm: Lê Thị Diễm Phương - Thành viên: Nguyễn Hồ Bích Hằng, Ninh Thị Hiền, Nguyễn Nhật Thanh | -Sở, Phòng đăng ký tài nguyên môi trường trên địa bàn một số quận ở Tp. HCM -Một số văn phòng công chứng ở Tp. HCM các tỉnh khác -Một số Tòa án trong phạm vi Tp. HCM | 4/2019-3/2020 | 60 | - Dự kiến khi hoàn thành, đề tài nghiên cứu sẽ là công trình nghiên cứu khái quát, toàn diện về hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện ghi nhận trong pháp luật Việt Nam hiện nay. Do vậy, đề tài có giá trị như một tài liệu tham khảo hữu ích cho những nhà nghiên cứu, SV và những người khác có quan tâm đến pháp luật trong lĩnh vực này khi muốn đi sâu tìm hiểu. - Bên cạnh đó, đề tài có tính thực tiễn, rất thiết thực, và khả năng ứng dụng cao, vì những kiến nghị cụ thể của đề tài (sẽ được gửi đến cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn thành việc nghiên cứu) không chỉ đóng góp cho BLDS 2015, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho cơ quan Tòa án khi giải quyết vấn đề có liên quan đến loại hợp đồng này. |
| 5 | Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong tố tụng trọng tài theo pháp | - Chủ nhiệm: Huỳnh Quang Thuận - Thành viên: Phạm Thị Thúy, Nguyễn Thị Hoài Trâm | Không | 9/2019-8/2020 | 55 | - Các kết quả đánh giá, phân tích về những vấn đề nghiên cứu của Đề tài có giá trị đóng góp cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong vấn đề áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong tố tụng trọng tài; - Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt của nhóm tác giả có khả năng sử dụng trong |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|--|---------------------|-----------------------|---|
| | luật Việt Nam | | | | | việc nghiên cứu và giảng dạy tại Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. |
| 6 | Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thủ tục thi hành án dân sự | - Chủ nhiệm: Lê Vĩnh Châu - Thành viên: Hoàng Huy Trường, Lê Thị Mận | Không | 9/2019-8/2020 | 55 | - Công trình nghiên cứu có thể được sử dụng như một nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến thủ tục thi hành án dân sự nói riêng, pháp luật thi hành án dân sự nói chung. - Công trình nghiên cứu là một tài liệu học tập có tính chuyên khảo được sử dụng cho môn học Luật thi hành án dân sự cho các hệ, bậc đào tạo của Nhà trường cũng như các cơ sở đào tạo Luật khác. |
| 7 | Xóa án tích đối với người bị kết án theo quy định Phần chung - Bộ Luật Hình sự năm 2015 | - Chủ nhiệm: Phan Thị Phương Hiền - Thành viên: Trần Ngọc Lan Trang | - Công an quận Bình Thạnh, Tp. HCM. - Phòng Lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp Tp. HCM. | 9/2019-8/2020 | 60 | - Sản phẩm đạt được sẽ phục vụ cho chính các thành viên tham gia nghiên cứu trong quá trình giảng dạy bài Miễn, giảm Trách nhiệm hình sự thuộc môn Luật hình sự học phần chung; - Sản phẩm nghiên cứu của đề tài có thể được sử dụng để phục vụ cho công tác giảng dạy môn Luật hình sự cho trình độ cử nhân Luật cũng như sau đại học; - Làm tài liệu tham khảo cho SV, học viên cao học cũng như các nhà nghiên cứu quan tâm. |
| 8 | Tiêu chí xác định doanh nghiệp xã hội | - Chủ nhiệm: Lê Nhật Bảo - Thành viên: Nguyễn Thị | Không | 9/2019-8/2020 | 60 | - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc tìm hiểu và nghiên cứu pháp lý về DNXH ở Việt Nam. |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|---|---|---------------------|-----------------------|---|
| | và chế độ ưu đãi, hỗ trợ | Thúy, Nguyễn Hoàng Thùy Trang, Danh Phạm Mỹ Duyên, Nguyễn Trung Dương | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc học tập của SV luật. - Đóng góp vào quá trình sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật trong tương lai. |
| 9 | Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt tiền đối với vi phạm hành chính | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm: Nguyễn Nhật Khanh - Thành viên: Nguyễn Thị Kim Duyên, Bùi Thị Hoài, Phan Thị Thanh Hiếu | <ul style="list-style-type: none"> -Sở Tư pháp Tp. HCM; -Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng; -Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng; -Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nhà Bè, Tp. HCM; -Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Tp. HCM; -Ủy ban nhân dân phường 13 – Quận 4 – Tp. HCM. | 9/2019-8/2020 | 55 | <ul style="list-style-type: none"> - Phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy; - Có báo cáo gửi các cơ quan có liên quan như Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Sở Tư pháp Tp. HCM, Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nhà Bè – Tp. HCM, Ủy ban nhân dân phường 13 – quận 4 – Tp. HCM... |
| 10 | Quyền miễn trừ của Đại biểu Quốc hội: kinh nghiệm của một số quốc gia và kiến nghị cho | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm: Phan Nguyễn Phương Thảo - Thành viên: Trương Thị Minh Thùy, Nguyễn Mai Anh, Trần Thị Thu Hà | Không | 9/2019-8/2020 | 60 | Đề tài có thể là tài liệu tham khảo để hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về quyền miễn trừ của đại biểu Quốc hội |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|-------------------------------|---------------------|-----------------------|--|
| | Việt Nam | | | | | |
| 11 | Giám sát tư pháp đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành pháp – kinh nghiệm của một số nước cho Việt Nam | - Chủ nhiệm: Lê Thị Thu Thảo - Thành viên: Dương Hồng Thị Phi Phi, Phạm Thị Phương Thảo, Nguyễn Phương Thảo | Không | 9/2019-8/2020 | 60 | <p>(1) Các kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là một tài liệu có giá trị cho những ai muốn nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn về giám sát tư pháp đối với quyền hành pháp mà cụ thể là giám sát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan hành pháp ban hành. Qua quá trình nghiên cứu nhóm tác giả sẽ phân tích và làm rõ trong đề tài những vấn đề lý luận và pháp lý của các nước về kiểm soát của Tòa án đối với quyền hành pháp. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình xây dựng cơ chế giám sát tư pháp đối với văn bản quy phạm pháp luật. Từ đó, giúp cho việc ban hành, kiểm tra, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành pháp có hiệu quả trên thực tế. Bên cạnh đó, tác giả sẽ phân tích quy định pháp luật của Việt Nam, chỉ ra những bất cập, nguyên nhân cũng như đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về giám sát tư pháp đối với văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan hành pháp ban hành.</p> <p>(2) Nội dung của đề tài còn là một cơ sở dữ liệu có giá trị tham khảo, góp phần phổ biến kiến thức pháp lý cho SV, học viên, nhà nghiên</p> |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|---|---------------------|-----------------------|---|
| | | | | | | cứu, nhà làm luật khi tìm hiểu, nghiên cứu về giám sát tư pháp đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành pháp. |
| 12 | Điều chỉnh của pháp luật lao động Việt Nam đối với thỏa ước lao động tập thể ngành | - Chủ nhiệm: Nguyễn Thị Bích - Thành viên: Lê Ngọc Anh, Hoàng Thị Minh Tâm, Ngô Thị Thanh Hoa | Không | 11/2019-10/2020 | 50 | - Là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu pháp luật về thỏa ước lao động tập thể nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật lao động. - Là tài liệu chuyên khảo về thỏa ước lao động tập thể ngành; - Là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên, những người làm công tác quản lý nhân sự trong doanh nghiệp. |
| 13 | Pháp luật có mối quan hệ gắn bó nhất với hợp đồng có yếu tố nước ngoài - nghiên cứu so sánh pháp luật Việt Nam, EU và một số nước | - Chủ nhiệm: Phan Hoài Nam - Thành viên: Phùng Hồng Thanh, Thomas Hoffmann, Phạm Vân Thảo, Huỳnh Thị Bích Hiền | -TAND Tp. HCM, Long An -TAND cấp cao | 11/2019-10/2020 | 55 | - Quá trình nghiên cứu và so sánh pháp luật Việt Nam, EU, Hoa Kỳ và Trung Quốc về vấn đề giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng có yếu tố nước ngoài dựa trên học thuyết về mối liên hệ gắn bó nhất, cũng như đánh giá vai trò của việc áp dụng học thuyết cho việc hạn chế vấn đề lẫn tránh pháp luật và vấn đề dẫn chiếu sẽ giúp cho cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng pháp luật, đặc biệt là Tòa án có cái nhìn toàn diện và hiểu biết hơn về quy định mới tại Điều 683 BLDS 2015 trên cơ sở kinh nghiệm của EU và một số nước nghiên cứu. Các nội dung này có thể trở thành những định hướng cho công tác xét xử khi vận dụng điều khoản này vào trong thực tế. Ngoài |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|---|-------------------------|-----------------------|--|
| | | | | | | <p>ra, các kết quả nghiên cứu còn giúp cho các nhà lập pháp sẽ có những điều chỉnh mang tính hợp lý hơn trong tương lai khi tiến hành sửa đổi, bổ sung điều khoản về xác định luật áp dụng cho việc giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng có yếu tố nước ngoài dựa trên học thuyết môi liên hệ gắn bó nhất trong pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Các kết quả nghiên cứu còn là bộ tài liệu tham khảo có giá trị cho các SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh và các giảng viên tại các cơ sở đào tạo luật trong việc nghiên cứu chuyên sâu về Tư pháp quốc tế.</p> |
| 14 | Xác định quốc tịch của nhà đầu tư nước ngoài – Thực tiễn quốc tế và kinh nghiệm cho Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm: Lê Minh Nhật - Thành viên: Nguyễn Xuân Mỹ Hiền, Trương Thị Kim Xuyên | Các cơ quan, doanh nghiệp Tp. HCM, Long An, Bình Dương, Tây Ninh. | 11/2019-10/2020 | 55 | <ul style="list-style-type: none"> - Là tài liệu tham khảo có hệ thống, chi tiết về quốc tịch nhà đầu tư nước ngoài cho SV học môn Đầu tư quốc tế trong bối cảnh chưa có giáo trình, tài liệu trong nước phục vụ cho môn học. - Là tài liệu tham khảo cho việc biên soạn giáo trình Đầu tư quốc tế, cũng như cho các công trình nghiên cứu khoa học khác. |
| 15 | Phòng ngừa tham nhũng trong một số cơ sở giáo dục | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm: Trương Tư Phước - Thành viên: Nguyễn Thị | <ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐH Bách khoa Tp. HCM; - Trường ĐH KHXH&NV Tp. HCM; - Trường ĐH Kinh tế - Luật; | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả nghiên cứu được sử dụng cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về phòng chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tại Tp. HCM; - Kết luận khoa học và các giải pháp được gửi đến các |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|---|-------------------------|-----------------------|--|
| | đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh | Quỳnh Trang | - Trường ĐH Tôn Đức Thắng; - Trường ĐH Công nghiệp Tp. HCM; - Trường ĐH Lao động xã hội (Cơ sở II); - Trường ĐH Nông Lâm Tp. HCM; - Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật Tp. HCM; - Trường ĐH Sài Gòn. | | | Cơ quan có thẩm quyền xây dựng chính sách về phòng ngừa tham nhũng trong giáo dục đại học. |
| 16 | Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Luật Hình sự – nghiên cứu so sánh và kinh nghiệm cho Việt Nam | - Chủ nhiệm: Mai Thị Thủy - Thành viên: Nguyễn Thị Minh Trâm, Trần Ngọc Lan Trang | Không | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | - Sản phẩm đạt được sẽ phục vụ cho chính các thành viên tham gia nghiên cứu trong quá trình giảng dạy về vấn đề trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội. - Công trình nghiên cứu khoa học này sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên, SV, học viên chuyên ngành luật có quan tâm đến vấn đề này cũng như cán bộ của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là cơ quan tiến hành tố tụng. |
| 17 | Giảng dạy môn Luật môi trường | - Chủ nhiệm: Võ Trung Tín | - Trường ĐH Luật Hà Nội | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc tìm hiểu và nghiên cứu pháp lý về môi trường ở Việt Nam. |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|---|-------------------------|-----------------------|--|
| | tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh | - Thành viên: Trần Linh Huân, Trần Thị Trúc Minh, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Phan Thị Kim Ngân | - Trường ĐH Luật (ĐH Huế) - Trường ĐH Mở Tp. HCM - Trường đại học Kinh tế Tp. HCM | | | - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập môn Luật Môi Trường. - Đóng góp vào quá trình hoàn thiện, chương trình giảng dạy môn Luật Môi Trường tại Trường ĐH Luật Tp. HCM và các cơ sở đào tạo luật. |
| 18 | Hoạt động truyền thông chiến lược tại Trường ĐH Luật TP. HCM – thực trạng và kiến nghị | - Chủ nhiệm: Nguyễn Minh Đạt - Thành viên: Trần Thùy Nhung, Lê Thị Xuân Thu | Không | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | - Cơ sở định vị và xác định lợi thế cạnh tranh của trường Đại học Luật TP. HCM trên thị trường giáo dục đại học trong bối cảnh thương mại hóa hoạt động giáo dục và tự chủ tài chính các trường công lập - Hình thành và cải thiện nhận thức về vai trò và cách thức triển khai hoạt động truyền thông thương hiệu trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là đối với cán bộ công nhân viên Nhà trường - Tư liệu cho các nhóm nghiên cứu khác có đề tài liên quan đến truyền thông thương hiệu, hoặc quản lý hình ảnh trường đại học. - Nhà trường có thể sử dụng linh hoạt, dựa trên cơ sở nghiên cứu đánh giá tính khả thi của công tác truyền thông thương hiệu hiện tại, cũng như hoạch định chiến lược truyền thông thương hiệu trong tương lai. |
| 19 | Biện pháp giữ người trong | - Chủ nhiệm: Phạm Thái | - Cơ quan điều tra các cấp ở một số địa phương; | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | Công trình nghiên cứu khoa học này sẽ là một tài liệu tham khảo có chất lượng, phục vụ hoạt động |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|-------------------------------------|-------------------------|-----------------------|---|
| | trường hợp khẩn cấp theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam | - Thành viên: Lê Nguyên Thanh, Trần Quốc Minh | -VKSND các cấp ở một số địa phương; | | | học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên, SV, học viên chuyên ngành luật cũng như cán bộ của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là cơ quan tiến hành tố tụng. |
| 20 | Một số vụ kiện về thương mại dịch vụ trong khuôn khổ WTO – bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | - Chủ nhiệm: Nguyễn Hoàng Thái Hy - Thành viên: Trần Thị Thùy Dương, Ngô Nguyễn Thảo Vy, Nguyễn Đào Phương Thúy, Nguyễn Xuân Mỹ Hiền | Không | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | Sau khi nghiệm thu, nhóm tác giả sẽ hoàn thiện công trình và xuất bản thành sách chuyên khảo. Sách được sử dụng như tài liệu tham khảo bổ trợ cho giáo trình Luật thương mại quốc tế phần I. Tài liệu này có thể được sử dụng khi học và dạy về luật thương mại quốc tế các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam như: - Đại học Luật Tp. HCM - Đại học Luật Hà Nội - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội - Khoa Luật Đại học Cần Thơ - Khoa Kinh tế - Luật Đại học Quốc gia Tp. HCM... Các tác giả mong muốn, thông qua kết quả nghiên cứu của mình, đóng góp vào quá trình đào tạo luật nhằm áp dụng rộng rãi và hiệu quả phương pháp dạy luật WTO thông qua tình huống (<i>case study</i>). Ngoài ra, các tác giả mong muốn cuốn sách khi được xuất bản sẽ trở thành tài liệu |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|---|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|--|
| | | | | | | tham khảo có giá trị cho các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến thương mại quốc tế tại Việt Nam. |
| 21 | Xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh | - Chủ nhiệm: Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thành viên: Nguyễn Thị Thiện Trí, Vũ Thị Ngọc Dung | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 55 | <ul style="list-style-type: none"> - Công trình nghiên cứu là tài liệu hữu ích phục vụ cho môn học Xây dựng văn bản pháp luật thuộc chương trình đào tạo cử nhân Luật và môn Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ ứng dụng chuyên ngành Luật Hành chính – Hiến pháp của Trường ĐH Luật TP. HCM. - Những kiến nghị, đề xuất trong đề tài có giá trị tham khảo cho các cơ quan chức năng, người có thẩm quyền để tiến hành sửa đổi các quy định của pháp luật hiện hành về kiểm tra, xử lý VBQPPL nói chung và VBQPPL của CQĐP nói riêng cho phù hợp; - Đề tài còn có ý nghĩa đối với công chức làm công tác kiểm tra văn bản ở địa phương, giúp họ hiểu đầy đủ, sâu sắc về bản chất, nghiệp vụ của hoạt động kiểm tra; về cách thức lựa chọn và hậu quả pháp lý của từng biện pháp chế tài để vận dụng xử lý theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với mỗi dấu hiệu khiếm khuyết của văn bản quy phạm pháp luật cụ thể. |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|--|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|---|
| 22 | Các thuật ngữ, cụm từ Latin trong luật quốc tế: Luận giải và việc áp dụng trong thực tiễn pháp luật quốc tế | - Chủ nhiệm: Trần Thăng Long - Thành viên: Lê Minh Nhựt | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 55 | Đề tài sau khi được hoàn tất sẽ là một tài liệu tham khảo phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy và nghiên cứu môn học luật quốc tế tại trường Đại học Luật TP.HCM, trên cơ sở bám sát theo chủ đề giảng dạy môn học Luật quốc tế. Bên cạnh đó, đề tài có thể phục vụ cho việc nghiên cứu cho các môn học pháp luật quốc tế liên quan như tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế, luật so sánh. Đề tài có thể trở thành tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu của luật quốc tế, cũng như sử dụng cho các mục đích nghiên cứu khoa học như đọc hiểu, viết tài liệu sử dụng từ nguồn tham khảo tiếng Anh. |
| 23 | Pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp | - Chủ nhiệm: Phan Phương Nam - Thành viên: Danh Phạm Mỹ Duyên | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 55 | - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc tìm hiểu và nghiên cứu pháp lý về hoạt động phát hành trái phiếu của doanh nghiệp ở Việt Nam. - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc học tập của SV luật có quan tâm về các quy định pháp luật về tài chính doanh nghiệp, nhất là hoạt động phát hành chứng khoán để huy động vốn của doanh nghiệp. - Đóng góp vào quá trình sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật trong tương lai. - Công trình sẽ gửi đến các cơ quan có liên quan trong |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|-------------------------------|---------------------------|-----------------------|---|
| | | | | | | hoạt động quản lý về thị trường chứng khoán như: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính. Ngoài ra, công trình cũng sẽ có thể là nguồn tài liệu tham khảo cho các doanh nghiệp có nhu cầu phát hành trái phiếu doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu về vốn trong hoạt động kinh doanh. |
| 24 | Các nhân tố tác động đến động lực NCKH của GV Trường ĐH Luật TP. HCM | - Chủ nhiệm: Hoàng Văn Long - Thành viên: Ngô Huỳnh Giang, Nguyễn Thị Ngọc Duyên | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 60 | Là một bộ tài liệu hữu ích cho các nhà quản lý giáo dục nói chung và Ban giám hiệu Trường ĐH Luật TP. HCM nói riêng nghiên cứu xây dựng chính sách liên quan đến công tác quản lý nghiên cứu khoa học của Nhà trường. |
| 25 | Các nhân tố tác động đến động lực NCKH SV Trường ĐH Luật TP. HCM | - Chủ nhiệm: Ngô Huỳnh Giang - Thành viên: Nguyễn Trọng Tín, Nguyễn Thị Ngọc Duyên | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 60 | Là một bộ tài liệu hữu ích cho các nhà quản lý giáo dục nói chung và Ban giám hiệu Trường ĐH Luật TP. HCM nói riêng nghiên cứu xây dựng chính sách liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu khoa học cho SV của Nhà trường |
| 26 | Quyền sử dụng tự do tác phẩm qua hành vi sao chép, trích dẫn trong pháp | - Chủ nhiệm: Nguyễn Thái Cường - Thành viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc, Ngô Kim Hoàng | | 01/2020 đến tháng 12/2022 | 200 | 1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo - Là tài liệu tham khảo có giá trị khoa học cao và đáng tin cậy cho hoạt động đào tạo các chuyên ngành luật như Chương trình đào tạo luật trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật Dân Sự: |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|---|-------------------------------|---------------------|-----------------------|---|
| | luật về quyền tác giả từ thực tiễn các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam | Nguyễn, Nguyễn Trọng Luận, Phan Vũ Tuấn, Alexandra Mendoza Caminade, Reto M. Hilty, Đặng Nguyễn Phương Uyên, Đặng Lê Phương Uyên, Phạm Ngọc Minh Tú | | | | <p>môn học chuyên sâu “<i>Pháp luật SHTT</i>”;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện được khung pháp luật về quyền tác giả, quy định cụ thể hành vi sao chép, trích dẫn; - Xây dựng được tiêu chuẩn chung quy chế về việc quản lý quyền tác giả trong các Trường Đại học ở Việt Nam (quản lý luận văn, luận án, giáo trình, bài viết) và hình thành những tiêu chuẩn chung chống hành vi xâm phạm quyền tác giả; - Cung cấp những cơ sở pháp lý vững chắc cho các Trường Đại học, nhà xuất bản, Tòa án và những cơ quan có liên quan trong việc nhận diện và xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả; - Là tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu chuyên sâu của SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh dưới hình thức khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, cũng như của giảng viên, cán bộ nghiên cứu dưới hình thức bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; - Từ việc phân tích tính phù hợp của luật SHTT Việt Nam so với luật quốc tế góp phần định hướng cho sự sửa đổi, bổ sung luật SHTT 2005, sửa đổi năm 2009 phù hợp với pháp luật quốc tế; |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|-----------------------|---|
| | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả so sánh pháp luật SHTT quốc tế góp phần định hướng cho việc sửa đổi, bổ sung luật SHTT Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế; - Chuẩn bị cho dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật SHTT Việt Nam; - Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ có tác động tích cực việc sửa đổi và bổ sung luật SHTT Việt Nam cho phù hợp luật SHTT quốc tế và phù hợp với những điều kiện thực tiễn của Việt Nam thông qua những tranh chấp. <p>2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tài liệu tham khảo cung cấp các tri thức khoa học chuyên sâu và cập nhật cho ngành khoa học pháp lý, đặc biệt cho chuyên ngành Luật Dân sự, môn học Luật SHTT. <p>3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các luận điểm khoa học cho hoạt động xây dựng chính sách và pháp luật bảo đảm phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đồng thời bảo đảm tuân thủ các kết quốc tế cũng như chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|-----------------------|--|
| | | | | | | <p>4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tổ chức chủ trì: <ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung vào thành tựu KH-CN, nâng cao uy tín của Trường đại học Luật Tp. HCM trong hoạt động KH-CN; • Góp phần củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ; - Đối với cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu: <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng được tiêu chuẩn chung (Quy chế quản lý quyền tác giả) trong các Trường Đại học ở Việt Nam (quản lý luận văn, luận án, giáo trình, bài viết), hình thành những tiêu chuẩn chung chống hành vi xâm phạm quyền tác giả; • Các Trường Đại học, viện nghiên cứu trên cả nước: bổ sung tài liệu tham khảo có giá trị khoa học và đáng tin cậy cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu; • Đối với Cục SHTT (NOIP): cung cấp các luận điểm khoa học có giá trị tham khảo khi xây dựng các đề xuất chính sách cũng như dự án pháp luật với các cơ quan nhà nước hữu quan. |
| 27 | Phương thức giải quyết | - Chủ nhiệm: Đỗ Văn Đại | | 6/2020 đến | 1058 | - Các báo cáo nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|-------------------------------|---------------------|-----------------------|---|
| | tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế | - Thành viên: Trần Việt Dũng, Huỳnh Quang Thuận, Nguyễn Thị Hoa, Trần Hoàng Tú Linh | | tháng 6/2022 | | <p>chủ chốt sẽ cho thấy khung lý luận cơ bản mà quá trình hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa buộc các quốc gia phải xử lý khi xem xét việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, những rào cản pháp lý dẫn đến tình trạng doanh nghiệp ít đưa ra giải quyết tại trọng tài Việt Nam (mặc dù tranh chấp ngày càng tăng với việc hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam). Các báo cáo này cũng sẽ cho thấy kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến các rào cản pháp lý trên và đưa ra những đề xuất để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trọng tài tại Việt Nam nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trọng tài tại Việt Nam.</p> <p>- Kết quả nghiên cứu này sẽ là tài liệu hữu ích cho những nhà nghiên cứu về trọng tài, về hội nhập kinh tế quốc tế và cho những chủ thể quan tâm với việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài tại Việt Nam như Trọng tài viên, Luật sư, cán bộ pháp chế trong các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo pháp luật. Đây cũng là tài liệu hữu ích cho những cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tiến hành sửa đổi pháp luật về Trọng tài như Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Bộ tư pháp, Hội luật gia</p> |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|---|---------------------|-----------------------|---|
| | | | | | | Việt Nam, các Trung tâm trong tài tại Việt Nam. |
| 28 | Điều chỉnh của pháp luật lao động Việt Nam đối với thỏa ước lao động tập thể ngành | - Chủ nhiệm: Nguyễn Thị Bích - Thành viên: Lê Ngọc Anh, Hoàng Thị Minh Tâm, Ngô Thị Thanh Hoa | Không | 11/2019-10/2020 | 50 | - Là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu pháp luật về thoả ước lao động tập thể nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật lao động. - Là tài liệu chuyên khảo về thoả ước lao động tập thể ngành; - Là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên, những người làm công tác quản lý nhân sự trong doanh nghiệp. |
| 29 | Pháp luật có mối quan hệ gắn bó nhất với hợp đồng có yếu tố nước ngoài - nghiên cứu so sánh pháp luật Việt Nam, EU và một số nước | - Chủ nhiệm: Phan Hoài Nam - Thành viên: Phùng Hồng Thanh, Thomas Hoffmann, Phạm Vân Thảo, Huỳnh Thị Bích Hiền | -TAND Tp. HCM, Long An -TAND cấp cao | 11/2019-10/2020 | 55 | - Quá trình nghiên cứu và so sánh pháp luật Việt Nam, EU, Hoa Kỳ và Trung Quốc về vấn đề giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng có yếu tố nước ngoài dựa trên học thuyết về mối liên hệ gắn bó nhất, cũng như đánh giá vai trò của việc áp dụng học thuyết cho việc hạn chế vấn đề lẫn tránh pháp luật và vấn đề dẫn chiếu sẽ giúp cho cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng pháp luật, đặc biệt là Tòa án có cái nhìn toàn diện và hiểu biết hơn về quy định mới tại Điều 683 BLDS 2015 trên cơ sở kinh nghiệm của EU và một số nước nghiên cứu. Các nội dung này có thể trở thành những định hướng cho công tác xét xử khi vận dụng điều khoản này vào trong thực tế. Ngoài ra, các kết quả nghiên cứu còn giúp cho các nhà lập |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|--|-------------------------|-----------------------|--|
| | | | | | | <p>pháp sẽ có những điều chỉnh mang tính hợp lý hơn trong tương lai khi tiến hành sửa đổi, bổ sung điều khoản về xác định luật áp dụng cho việc giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng có yếu tố nước ngoài dựa trên học thuyết môi liên hệ gần bó nhất trong pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Các kết quả nghiên cứu còn là bộ tài liệu tham khảo có giá trị cho các SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh và các giảng viên tại các cơ sở đào tạo luật trong việc nghiên cứu chuyên sâu về Tư pháp quốc tế.</p> |
| 30 | Xác định quốc tịch của nhà đầu tư nước ngoài – Thực tiễn quốc tế và kinh nghiệm cho Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm: Lê Minh Nhật - Thành viên: Nguyễn Xuân Mỹ Hiền, Trương Thị Kim Xuyên | Các cơ quan, doanh nghiệp Tp. HCM, Long An, Bình Dương, Tây Ninh. | 11/2019-10/2020 | 55 | <ul style="list-style-type: none"> - Là tài liệu tham khảo có hệ thống, chi tiết về quốc tịch nhà đầu tư nước ngoài cho SV học môn Đầu tư quốc tế trong bối cảnh chưa có giáo trình, tài liệu trong nước phục vụ cho môn học. - Là tài liệu tham khảo cho việc biên soạn giáo trình Đầu tư quốc tế, cũng như cho các công trình nghiên cứu khoa học khác. |
| 31 | Phòng ngừa tham nhũng trong một số cơ sở giáo dục đại học công lập | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm: Trương Tư Phước - Thành viên: Nguyễn Thị Quỳnh Trang | <ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐH Bách khoa Tp. HCM; - Trường ĐH KHXH& NV Tp. HCM; - Trường ĐH Kinh tế - Luật; | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả nghiên cứu được sử dụng cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về phòng chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tại Tp. HCM; - Kết luận khoa học và các giải pháp được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền xây dựng chính sách về phòng |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|--|---|-------------------------|-----------------------|--|
| | tại Thành phố Hồ Chí Minh | | - Trường ĐH Tôn Đức Thắng; - Trường ĐH Công nghiệp Tp. HCM; - Trường ĐH Lao động xã hội (Cơ sở II); - Trường ĐH Nông Lâm Tp. HCM; - Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật Tp. HCM; - Trường ĐH Sài Gòn. | | | ngừa tham nhũng trong giáo dục đại học. |
| 32 | Các biện pháp pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Luật Hình sự – nghiên cứu so sánh và kinh nghiệm cho Việt Nam | - Chủ nhiệm: Mai Thị Thủy - Thành viên: Nguyễn Thị Minh Trâm, Trần Ngọc Lan Trang | Không | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | - Sản phẩm đạt được sẽ phục vụ cho chính các thành viên tham gia nghiên cứu trong quá trình giảng dạy về vấn đề trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội. - Công trình nghiên cứu khoa học này sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên, SV, học viên chuyên ngành luật có quan tâm đến vấn đề này cũng như cán bộ của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là cơ quan tiến hành tố tụng. |
| 33 | Giảng dạy môn Luật môi trường | - Chủ nhiệm: Võ Trung Tín | - Trường ĐH Luật Hà Nội | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc tìm hiểu và nghiên cứu pháp lý về môi trường ở Việt Nam. |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|---|-------------------------|-----------------------|--|
| | tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh | - Thành viên: Trần Linh Huân, Trần Thị Trúc Minh, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Phan Thị Kim Ngân | - Trường ĐH Luật (ĐH Huế) - Trường ĐH Mở Tp. HCM - Trường đại học Kinh tế Tp. HCM | | | - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập môn Luật Môi Trường. - Đóng góp vào quá trình hoàn thiện, chương trình giảng dạy môn Luật Môi Trường tại Trường ĐH Luật Tp. HCM và các cơ sở đào tạo luật. |
| 34 | Hoạt động truyền thông chiến lược tại Trường ĐH Luật TP. HCM – thực trạng và kiến nghị | - Chủ nhiệm: Nguyễn Minh Đạt - Thành viên: Trần Thùy Nhung, Lê Thị Xuân Thu | Không | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | - Cơ sở định vị và xác định lợi thế cạnh tranh của trường Đại học Luật Tp. HCM trên thị trường giáo dục đại học trong bối cảnh thương mại hóa hoạt động giáo dục và tự chủ tài chính các trường công lập - Hình thành và cải thiện nhận thức về vai trò và cách thức triển khai hoạt động truyền thông thương hiệu trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là đối với cán bộ công nhân viên Nhà trường - Tư liệu cho các nhóm nghiên cứu khác có đề tài liên quan đến truyền thông thương hiệu, hoặc quản lý hình ảnh trường đại học. - Nhà trường có thể sử dụng linh hoạt, dựa trên cơ sở nghiên cứu đánh giá tính khả thi của công tác truyền thông thương hiệu hiện tại, cũng như hoạch định chiến lược truyền thông thương hiệu trong tương lai. |
| 35 | Biện pháp giữ người trong | - Chủ nhiệm: Phạm Thái | -Cơ quan điều tra các cấp ở một số địa phương; | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | Công trình nghiên cứu khoa học này sẽ là một tài liệu tham khảo có chất lượng, phục vụ hoạt động |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|-------------------------------------|-------------------------|-----------------------|---|
| | trường hợp khẩn cấp theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam | - Thành viên: Lê Nguyên Thanh, Trần Quốc Minh | -VKSND các cấp ở một số địa phương; | | | học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên, SV, học viên chuyên ngành luật cũng như cán bộ của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là cơ quan tiến hành tố tụng. |
| 36 | Một số vụ kiện về thương mại dịch vụ trong khuôn khổ WTO – bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | - Chủ nhiệm: Nguyễn Hoàng Thái Hy - Thành viên: Trần Thị Thùy Dương, Ngô Nguyễn Thảo Vy, Nguyễn Đào Phương Thúy, Nguyễn Xuân Mỹ Hiền | Không | 4/2020 đến tháng 3/2021 | 55 | Sau khi nghiệm thu, nhóm tác giả sẽ hoàn thiện công trình và xuất bản thành sách chuyên khảo. Sách được sử dụng như tài liệu tham khảo bổ trợ cho giáo trình Luật thương mại quốc tế phần I. Tài liệu này có thể được sử dụng khi học và dạy về luật thương mại quốc tế các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam như: - Đại học Luật Tp. HCM - Đại học Luật Hà Nội - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội - Khoa Luật Đại học Cần Thơ - Khoa Kinh tế - Luật Đại học Quốc gia Tp. HCM... Các tác giả mong muốn, thông qua kết quả nghiên cứu của mình, đóng góp vào quá trình đào tạo luật nhằm áp dụng rộng rãi và hiệu quả phương pháp dạy luật WTO thông qua tình huống (<i>case study</i>). Ngoài ra, các tác giả mong muốn cuốn sách khi được xuất bản sẽ trở thành tài liệu |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|---|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|---|
| | | | | | | tham khảo có giá trị cho các doanh nghiệp, hiệp hội và cả các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến thương mại quốc tế tại Việt Nam. |
| 37 | Xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh | - Chủ nhiệm: Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thành viên: Nguyễn Thị Thiện Trí, Vũ Thị Ngọc Dung | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 55 | <p>– Công trình nghiên cứu là tài liệu hữu ích phục vụ cho môn học Xây dựng văn bản pháp luật thuộc chương trình đào tạo cử nhân Luật và môn Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ ứng dụng chuyên ngành Luật Hành chính – Hiến pháp của Trường ĐH Luật TP. HCM.</p> <p>– Những kiến nghị, đề xuất trong đề tài có giá trị tham khảo cho các cơ quan chức năng, người có thẩm quyền để tiến hành sửa đổi các quy định của pháp luật hiện hành về kiểm tra, xử lý VBQPPL nói chung và VBQPPL của CQĐP nói riêng cho phù hợp;</p> <p>– Đề tài còn có ý nghĩa đối với công chức làm công tác kiểm tra văn bản ở địa phương, giúp họ hiểu đầy đủ, sâu sắc về bản chất, nghiệp vụ của hoạt động kiểm tra; về cách thức lựa chọn và hậu quả pháp lý của từng biện pháp chế tài để vận dụng xử lý theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với mỗi dấu hiệu khiếm khuyết của văn bản quy phạm pháp luật cụ thể.</p> |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|--|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|---|
| 38 | Các thuật ngữ, cụm từ Latin trong luật quốc tế: Luận giải và việc áp dụng trong thực tiễn pháp luật quốc tế | - Chủ nhiệm: Trần Thăng Long - Thành viên: Lê Minh Nhật | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 55 | Đề tài sau khi được hoàn tất sẽ là một tài liệu tham khảo phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy và nghiên cứu môn học luật quốc tế tại trường Đại học Luật TP.HCM, trên cơ sở bám sát theo chủ đề giảng dạy môn học Luật quốc tế. Bên cạnh đó, đề tài có thể phục vụ cho việc nghiên cứu cho các môn học pháp luật quốc tế liên quan như tư pháp quốc tế, luật thương mại quốc tế, luật so sánh. Đề tài có thể trở thành tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu của luật quốc tế, cũng như sử dụng cho các mục đích nghiên cứu khoa học như đọc hiểu, viết tài liệu sử dụng từ nguồn tham khảo tiếng Anh. |
| 39 | Pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp | - Chủ nhiệm: Phan Phương Nam - Thành viên: Danh Phạm Mỹ Duyên | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 55 | - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc tìm hiểu và nghiên cứu pháp lý về hoạt động phát hành trái phiếu của doanh nghiệp ở Việt Nam. - Là nguồn tài liệu phục vụ cho việc học tập của SV luật có quan tâm về các quy định pháp luật về tài chính doanh nghiệp, nhất là hoạt động phát hành chứng khoán để huy động vốn của doanh nghiệp. - Đóng góp vào quá trình sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật trong tương lai. - Công trình sẽ gửi đến các cơ quan có liên quan trong |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|---|
| | | | | | | hoạt động quản lý về thị trường chứng khoán như: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính. Ngoài ra, công trình cũng sẽ có thể là nguồn tài liệu tham khảo cho các doanh nghiệp có nhu cầu phát hành trái phiếu doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu về vốn trong hoạt động kinh doanh. |
| 40 | Các nhân tố tác động đến động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường ĐH Luật TP. HCM | - Chủ nhiệm: Hoàng Văn Long - Thành viên: Ngô Huỳnh Giang, Nguyễn Thị Ngọc Duyên | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 60 | Là một bộ tài liệu hữu ích cho các nhà quản lý giáo dục nói chung và Ban giám hiệu Trường ĐH Luật TP. HCM nói riêng nghiên cứu xây dựng chính sách liên quan đến công tác quản lý nghiên cứu khoa học của Nhà trường. |
| 41 | Các nhân tố tác động đến động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐH Luật TP. HCM | - Chủ nhiệm: Ngô Huỳnh Giang - Thành viên: Nguyễn Trọng Tín, Nguyễn Thị Ngọc Duyên | Không | 8/2020 đến tháng 7/2021 | 60 | Là một bộ tài liệu hữu ích cho các nhà quản lý giáo dục nói chung và Ban giám hiệu Trường ĐH Luật TP. HCM nói riêng nghiên cứu xây dựng chính sách liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu khoa học cho SV của Nhà trường |
| 42 | Quyền sử dụng tự do tác | - Chủ nhiệm: | | 01/2020 đến | 200 | 1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|-------------------------------|---------------------|-----------------------|---|
| | phẩm qua hành vi sao chép, trích dẫn trong pháp luật về quyền tác giả từ thực tiễn các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam | Nguyễn Thái Cường - Thành viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc, Ngô Kim Hoàng Nguyễn, Nguyễn Trọng Luận, Phan Vũ Tuấn, Alexandra Mendoza Caminade, Reto M. Hilty, Đặng Nguyễn Phương Uyên, Đặng Lê Phương Uyên, Phạm Ngọc Minh Tú | | tháng 12/2022 | | <ul style="list-style-type: none"> - Là tài liệu tham khảo có giá trị khoa học cao và đáng tin cậy cho hoạt động đào tạo các chuyên ngành luật như Chương trình đào tạo luật trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật Dân Sự: môn học chuyên sâu “<i>Pháp luật SHTT</i>”; - Hoàn thiện được khung pháp luật về quyền tác giả, quy định cụ thể hành vi sao chép, trích dẫn; - Xây dựng được tiêu chuẩn chung quy chế về việc quản lý quyền tác giả trong các Trường Đại học ở Việt Nam (quản lý luận văn, luận án, giáo trình, bài viết) và hình thành những tiêu chuẩn chung chống hành vi xâm phạm quyền tác giả; - Cung cấp những cơ sở pháp lý vững chắc cho các Trường Đại học, nhà xuất bản, Tòa án và những cơ quan có liên quan trong việc nhận diện và xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả; - Là tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu chuyên sâu của SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh dưới hình thức khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, cũng như của giảng viên, cán bộ nghiên cứu dưới hình thức bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|-----------------------|--|
| | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Từ việc phân tích tính phù hợp của luật SHTT Việt Nam so với luật quốc tế góp phần định hướng cho sự sửa đổi, bổ sung luật SHTT 2005, sửa đổi năm 2009 phù hợp với pháp luật quốc tế; - Kết quả so sánh pháp luật SHTT quốc tế góp phần định hướng cho việc sửa đổi, bổ sung luật SHTT Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế; - Chuẩn bị cho dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật SHTT Việt Nam; - Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ có tác động tích cực việc sửa đổi và bổ sung luật SHTT Việt Nam cho phù hợp luật SHTT quốc tế và phù hợp với những điều kiện thực tiễn của Việt Nam thông qua những tranh chấp. <p>2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tài liệu tham khảo cung cấp các tri thức khoa học chuyên sâu và cập nhật cho ngành khoa học pháp lý, đặc biệt cho chuyên ngành Luật Dân sự, môn học Luật SHTT. <p>3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các luận điểm khoa học cho hoạt động xây dựng chính sách và pháp |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|-----------------------|--|
| | | | | | | <p>luật bảo đảm phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đồng thời bảo đảm tuân thủ các kết quốc tế cũng như chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tổ chức chủ trì: <ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung vào thành tựu KH-CN, nâng cao uy tín của Trường đại học Luật Tp. HCM trong hoạt động KH-CN; • Góp phần củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ; - Đối với cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu: <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng được tiêu chuẩn chung (Quy chế quản lý quyền tác giả) trong các Trường Đại học ở Việt Nam (quản lý luận văn, luận án, giáo trình, bài viết), hình thành những tiêu chuẩn chung chống hành vi xâm phạm quyền tác giả; • Các Trường Đại học, viện nghiên cứu trên cả nước: bổ sung tài liệu tham khảo có giá trị khoa học và đáng tin cậy cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu; • Đối với Cục SHTT (NOIP): cung cấp các luận điểm khoa học có giá trị tham khảo khi xây dựng các |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|---|
| | | | | | | đề xuất chính sách cũng như dự án pháp luật với các cơ quan nhà nước hữu quan. |
| 43 | Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế | - Chủ nhiệm: Đỗ Văn Đại - Thành viên: Trần Việt Dũng, Huỳnh Quang Thuận, Nguyễn Thị Hoa, Trần Hoàng Tú Linh | | 6/2020 đến tháng 6/2022 | 1.058 | <p>- Các báo cáo nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chủ chốt sẽ cho thấy khung lý luận cơ bản mà quá trình hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa buộc các quốc gia phải xử lý khi xem xét việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, những rào cản pháp lý dẫn đến tình trạng doanh nghiệp ít đưa ra giải quyết tại trọng tài Việt Nam (mặc dù tranh chấp ngày càng tăng với việc hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam). Các báo cáo này cũng sẽ cho thấy kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến các rào cản pháp lý trên và đưa ra những đề xuất để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trọng tài tại Việt Nam nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trọng tài tại Việt Nam.</p> <p>- Kết quả nghiên cứu này sẽ là tài liệu hữu ích cho những nhà nghiên cứu về trọng tài, về hội nhập kinh tế quốc tế và cho những chủ thể quan tâm với việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài tại Việt Nam như Trọng tài viên, Luật sư, cán bộ pháp chế trong các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo pháp luật. Đây cũng là tài liệu hữu ích cho những cơ</p> |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ KHCN | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí (Triệu đồng) | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|-----------------------|--|
| | | | | | | quan, tổ chức có thẩm quyền tiến hành sửa đổi pháp luật về Trọng tài như Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Bộ tư pháp, Hội luật gia Việt Nam, các Trung tâm trọng tài tại Việt Nam. |

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

| STT | Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo | Thời điểm đánh giá ngoài | Kết quả đánh giá/Công nhận | Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD | Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục | Giấy chứng nhận/Công nhận | |
|-----|---|--|---|---|---|---------------------------|-------------|
| | | | | | | Ngày cấp | Giá trị đến |
| 1 | Đại học Luật Tp. HCM | Từ ngày 23/09-08/10/2016 | Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ban hành theo Quyết định 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/03/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Quyết định 10/QĐ-TTKĐ ngày 03/05/2017 của GD TT KĐCLGD-ĐHQG Tp.HCM) | Số 01/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/03/2017 về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường ĐH Luật Tp. HCM | Đạt yêu cầu 52/61 tiêu chí (chiếm 85.25%) | 03/05/2017 | 03/05/2022 |
| 2 | Đại học Luật Tp. HCM | Hoàn thành báo cáo đánh giá giữa kỳ về kiểm định cơ sở giáo dục theo Công văn số 1033/ĐHL-ĐBCL ngày 15/11/2019 | | | | | |
| 3 | Chương trình đào tạo ngành Luật hệ cử nhân | Năm học 2019 – 2020 Trường ĐH Luật hoàn thành hoạt động Tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Luật hệ cử nhân. Bản báo cáo Tự đánh giá đã được gửi cho Cục Quản lý chất lượng báo vào tháng 7/2020 (CV số 723/ĐHL-ĐBCL), sau đó được hoàn thiện vào tháng 8/2020 (theo góp ý của Cục Quản lý chất lượng). | | | | | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC
 LUẬT
 TP. HỒ CHÍ MINH
 Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 19

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường ĐH Luật Tp.HCM,
năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

| STT | Nội dung | Diện tích (m ²) | Hình thức sử dụng | | |
|-----|---|--------------------------------|-------------------|----------|------|
| | | | Sở hữu | Liên kết | Thuê |
| 1 | Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng | 19.996 | | | |
| a | Trong đó: Trụ sở chính: Số 2 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM | 3.569 | X | | |
| b | Cơ sở 2 tại 123 Q113, P. HBC, Q. Thủ Đức, TP.HCM | 3.627 | X | | |
| c | Cơ sở 3 tại Phường Long Phước, Q.9, TP.HCM | 12.800 | X | | |
| 2 | Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học | 21.879 | | | |
| a | Trong đó: Trụ sở chính: Số 2 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM | 8.598 | X | | |
| b | Cơ sở 2 tại 123 Q113, P. HBC, Q. Thủ Đức, TP.HCM | 7.537 | X | | |
| c | Cơ sở 3 tại Phường Long Phước, Q.9, TP.HCM | 5.744 | X | | |

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

| STT | Tên | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng | Diện tích sàn xây dựng (m ²) | Hình thức sử dụng | | |
|-----|-----------------------------|----------|-----------------------|-------------------|--|-------------------|----------|------|
| | | | | | | Sở hữu | Liên kết | Thuê |
| 1 | Phòng thí nghiệm... | 0 | | | | | | |
| 2 | Phòng thực hành... | 5 | SV thực hành máy tính | SV | 360 | x | | |
| 3 | Xưởng thực tập... | 0 | | | | | | |
| 4 | Nhà tập đa năng | 0 | | | | | | |
| 5 | Hội trường | 9 | Giảng dạy | SV | 3.418 | x | | |
| 6 | Phòng học... | 60 | Giảng dạy | SV | 5.071 | x | | |
| 7 | Phòng học đa phương tiện... | 0 | | | | | | |

| STT | Tên | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng | Diện tích sàn xây dựng (m ²) | Hình thức sử dụng | | |
|-----|--------------------------|----------|------------------|-------------------|--|-------------------|----------|------|
| | | | | | | Sở hữu | Liên kết | Thuê |
| 8 | Thư viện... | 4 | Nghiên cứu | SV, giảng viên | 4.268 | x | | |
| 9 | Trung tâm học liệu... | 2 | Nghiên cứu | SV, giảng viên | 222 | x | | |
| 10 | Các phòng chức năng khác | 30 | Nghiên cứu | Giảng viên | 2.796 | x | | |

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

| STT | Tên | Số lượng |
|-----|--|--|
| 1 | Số phòng đọc | 6 |
| 2 | Số chỗ ngồi đọc | 600-700 |
| 3 | Số máy tính của thư viện | 106 |
| 4 | Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí) | Tạp chí: 52 - Ebook: 67 cuốn - Sách: 20.047 nhan đề - CSDL: 5 (Westlaw, Heinonline, Libol, iG library, iDragon) |
| 5 | Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường | Thư viện Khoa học tổng hợp TPHCM Thư viện Đại học Luật Hà Nội Thư viện Kinh tế - Luật TPHCM Thư viện Đại học Kiểm sát Hà Nội Đại học Bình Dương Đại học công nghệ Long An |

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

| STT | Tên | Tỷ lệ |
|-----|-----------------------------------|---|
| 1 | Diện tích đất/sinh viên chính quy | 2,85m ² / sinh viên |
| 2 | Diện tích sàn/sinh viên chính quy | 3,12m ² / sinh viên (21.879m ² / 7.023 sinh viên) |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020



Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 20

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM
THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

| STT | Nội dung | Tổng Số | Chức danh | | Trình độ đào tạo | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | |
|----------|------------------------------|---------|-----------|-------------|------------------|---------|---------|----------|---------------|----------------------------|---------|--------|
| | | | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III | Hạng II | Hạng I |
| I | Tổng số | | | | | | | | | | | |
| 1 | Giảng viên cơ hữu theo ngành | | | | | | | | | | | |
| a | Khối ngành I | | | | | | | | | | | |
| | Ngành... | | | | | | | | | | | |
| | Ngành... | | | | | | | | | | | |
| b | Khối ngành II | | | | | | | | | | | |
| | Ngành... | | | | | | | | | | | |
| c | Khối ngành III | | | | | | | | | | | |
| | Ngành Luật | 214 | 0 | 15 | 60 | 144 | 10 | 0 | 0 | 181 | 18 | 15 |
| | Ngành Quản trị luật - QTKD | 24 | 0 | 1 | 7 | 17 | 0 | 0 | 0 | 21 | 2 | 1 |
| d | Khối ngành IV | | | | | | | | | | | |
| | Ngành... | | | | | | | | | | | |
| đ | Khối ngành V | | | | | | | | | | | |
| | Ngành... | | | | | | | | | | | |
| | Khối ngành VII | | | | | | | | | | | |
| | Ngành Ngôn ngữ Anh | 15 | 0 | 0 | 0 | 13 | 2 | 0 | 0 | 15 | 0 | 0 |
| 2 | Giảng viên cơ hữu môn chung | 22 | 0 | 1 | 6 | 15 | 1 | 0 | 0 | 16 | 5 | 1 |

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|---|------------|-----------|-----------------------|------------------|------------------------|
| | Khối ngành III Ngành Luật và Ngành Quản trị Luật | | | | | |
| 1 | Trần Hoàng Hải | 03/07/1962 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 2 | Lê Trường Sơn | 26/09/1971 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 3 | Bùi Xuân Hải | 28/02/1972 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 4 | Lê Ngọc Anh | 04/02/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 5 | Nguyễn Hồ Bích Hằng | 06/08/1980 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 6 | Lê Thị Diễm Phương | 22/11/1980 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 7 | Ngô Thị Anh Vân | 08/07/1990 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 8 | Lê Vĩnh Châu | 16/10/1972 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 9 | Lê Thị Hồng Vân | 23/06/1982 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 10 | Lê Hà Huy Phát | 08/09/1987 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 11 | Nguyễn Thị Hoài Trâm | 07/02/1985 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 12 | Huỳnh Quang Thuận | 09/10/1990 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 13 | Đỗ Văn Đại | 21/05/1974 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 14 | Nguyễn Thái Cường | 20/09/1988 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 15 | Xa Kiều Oanh | 22/04/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 16 | Nguyễn Trần Bảo Uyên | 05/09/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 17 | Lê Minh Hùng | 14/08/1971 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 18 | Đặng Nguyễn Phương Uyên | 11/05/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 19 | Đinh Thị Chiến | 20/03/1975 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 20 | Phạm Thị Thúy | 23/10/1990 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 21 | Lê Thanh Hà | 14/08/1994 | Nữ | | Đại học | Luật học |
| 22 | Hoàng Vũ Cường | 07/01/1990 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 23 | Phan Nguyễn Bảo Ngọc | 18/01/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 24 | Nguyễn Thị Bích | 20/04/1977 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 25 | Nguyễn Văn Tiến | 01/01/1965 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 26 | Lê Thị Mận | 02/10/1968 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 27 | Lương Minh Sơn | 20/02/1989 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 28 | Nguyễn Tấn Hoàng Hải | 04/04/1991 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 29 | Hoàng Thị Minh Tâm | 29/10/1985 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 30 | Nguyễn Trương Tín | 05/05/1977 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 31 | Nguyễn Trọng Luận | 29/10/1992 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-------------------------|------------|-----------|-----------------------|------------------|------------------------|
| 32 | Đặng Lê Phương Uyên | 12/11/1995 | Nữ | | Đại học | Luật học |
| 33 | Hoàng Thế Cường | 15/08/1977 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 34 | Nguyễn Ngọc Hồng Phượng | 14/02/1988 | Nữ | | Đại học | Luật học |
| 35 | Đỗ Hải Hà | 20/11/1979 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 36 | Trần Thị Hương | 15/03/1967 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 37 | Nguyễn Xuân Quang | 20/06/1970 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 38 | Nguyễn Phương Thảo | 20/06/1989 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 39 | Đặng Thái Bình | 21/10/1994 | Nam | | Đại học | Luật học |
| 40 | Nguyễn Nhật Thanh | 29/07/1988 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 41 | Đoàn Công Yên | 16/04/1984 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 42 | Đặng Thanh Hoa | 30/01/1974 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 43 | Nguyễn Mai Anh | 21/01/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 44 | Vũ Văn Nhiêm | 09/11/1966 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 45 | Nguyễn Thanh Quyên | 07/01/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 46 | Nguyễn Phương Thảo | 01/12/1993 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 47 | Đỗ Minh Khôi | 16/12/1969 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 48 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 13/05/1983 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 49 | Trần Thị Thu Hà | 29/08/1977 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 50 | Lê Thị Mơ | 09/02/1985 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 51 | Phan Nhật Thanh | 14/11/1972 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 52 | Trương Thị Minh Thùy | 06/01/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 53 | Nguyễn Cảnh Hợp | 02/09/1955 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 54 | Phạm Thị Phương Thảo | 05/05/1989 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 55 | Phạm Thị Phương Thảo | 11/11/1984 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 56 | Trần Quang Trung | 01/11/1976 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 57 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 23/01/1977 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 58 | Dương Hồng Thị Phi Phi | 30/07/1982 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 59 | Phạm Duy Quang | 17/11/1962 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 60 | Mai Thị Lâm | 23/01/1988 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 61 | Nguyễn Hoàng Yến | 23/09/1984 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 62 | Phan Nguyễn Phương Thảo | 16/06/1986 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 63 | Nguyễn Văn Trí | 25/11/1981 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 64 | Trần Thị Ánh Minh | 04/08/1985 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 65 | Đặng Thị Thu Trang | 05/02/1985 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 66 | Nguyễn Đức Hiếu | 07/01/1986 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 67 | Vũ Lê Hải Giang | 06/10/1994 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 68 | Nguyễn Nhật Khanh | 09/10/1992 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 69 | Võ Tấn Đào | 02/01/1992 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 70 | Nguyễn Mạnh Hùng | 13/11/1980 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 71 | Huỳnh Thị Hồng Nhiên | 23/05/1994 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 72 | Lê Thị Thu Thảo | 15/12/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 73 | Hoàng Việt | 29/11/1971 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 74 | Dũng Thị Mỹ Thắm | 28/04/1994 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 75 | Nguyễn Thị Thiện Trí | 09/08/1981 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 76 | Vũ Thị Ngọc Dung | 10/03/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 77 | Đặng Tất Dũng | 08/05/1979 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 78 | Trần Thị Thu Hà | 20/11/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 79 | Đỗ Thanh Trung | 10/09/1979 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 80 | Lê Việt Sơn | 15/09/1984 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 81 | Lê Thị Anh Nga | 08/09/1988 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 82 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 09/01/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 83 | Trần Ngọc Lan Trang | 20/05/1988 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 84 | Trần Kim Chi | 14/11/1994 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 85 | Trần Thanh Thảo | 01/06/1986 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 86 | Vũ Thị Quyên | 15/01/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 87 | Lê Huỳnh Tấn Duy | 25/02/1981 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 88 | Lê Nguyên Thanh | 10/04/1973 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 89 | Phạm Thị Tuyết Mai | 28/09/1976 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 90 | Cao Văn Hào | 08/01/1962 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 91 | Phan Anh Tuấn | 21/05/1973 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 92 | Lương Thị Mỹ Quỳnh | 02/12/1977 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 93 | Lê Tường Vy | 15/03/1979 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 94 | Nguyễn Phương Thảo | 08/10/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 95 | Nguyễn Thị Minh Trâm | 25/04/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 96 | Đinh Hà Minh | 06/03/1988 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 97 | Võ Thị Kim Oanh | 02/03/1965 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 98 | Nguyễn Thị Ánh Hồng | 10/10/1977 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 99 | Mai Khắc Phúc | 10/06/1976 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 100 | Lê Thị Thùy Dương | 22/05/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 101 | Nguyễn Thị Thùy Dung | 23/02/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 102 | Nguyễn Thị Tuyết Anh | 02/12/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 103 | Phan Thị Phương Hiền | 30/03/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|---------------------------|------------|-----------|--------------------------|------------------|------------------------|
| 104 | Trần Quốc Minh | 19/04/1988 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 105 | Phạm Thị Yên | 15/06/1982 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 106 | Hoàng Thị Tuệ Phuong | 28/10/1979 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 107 | Lê Vũ Huy | 19/10/1985 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 108 | Trần Văn Thượng | 09/03/1993 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 109 | Đình Văn Đoàn | 01/01/1986 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 110 | Phạm Thái | 20/10/1976 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 111 | Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh | 17/01/1978 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 112 | Nguyễn Thị Phương Hoa | 03/12/1970 | Nữ | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 113 | Mai Thị Thủy | 12/06/1985 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 114 | Nguyễn Thị Hoa | 05/07/1987 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 115 | Nguyễn Thị Lan Huong | 12/10/1983 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 116 | Đặng Huỳnh Thiên Vy | 11/11/1988 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 117 | Trần Thị Ngọc Hà | 07/04/1995 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 118 | Nguyễn Xuân Mỹ Hiền | 04/04/1993 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 119 | Lê Thị Minh Ngọc | 10/03/1964 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 120 | Nguyễn Phương An | 23/02/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 121 | Trần Việt Dũng | 26/07/1977 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 122 | Phan Hoài Nam | 13/07/1982 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 123 | Nguyễn Lê Hoài | 24/11/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 124 | Lê Minh Nhật | 11/06/1992 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 125 | Đỗ Thị Mai Hạnh | 14/01/1974 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 126 | Chung Lê Hồng Ân | 14/05/1989 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 127 | Trịnh Thị Kim Loan | 10/12/1976 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 128 | Trần Ngọc Hà | 17/06/1982 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 129 | Võ Hưng Đạt | 16/07/1989 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 130 | Ngô Nguyễn Thảo Vy | 05/03/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 131 | Ngô Hữu Phước | 01/06/1972 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 132 | Hà Thị Hạnh | 05/01/1981 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 133 | Trần Thị Thuận Giang | 30/03/1986 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 134 | Đào Thị Vui | 08/03/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 135 | Lê Tấn Phát | 19/08/1987 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 136 | Nguyễn Đào Phương Thúy | 18/09/1993 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 137 | Nguyễn Thị Kim Duyên | 31/12/1992 | Nữ | | Đại học | Luật học |
| 138 | Phạm Thị Hiền | 30/12/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------------------|------------------|------------------------|
| 139 | Nguyễn Thị Vân Huyền | 27/08/1983 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 140 | Lê Đức Phương | 06/10/1979 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 141 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 20/01/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 142 | Nguyễn Thị Kim Cúc | 17/08/1991 | Nữ | | Đại học | Luật học |
| 143 | Lê Thị Ngọc Hà | 20/05/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 144 | Trần Thị Bảo Nga | 23/08/1982 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 145 | Lê Trần Quốc Công | 11/04/1992 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 146 | Nguyễn Thị Hằng | 28/11/1982 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 147 | Nguyễn Hoàng Thái Hy | 22/09/1992 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 148 | Phùng Hồng Thanh | 24/04/1990 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 149 | Trần Minh Hiệp | 07/06/1983 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 150 | Nguyễn Thị Phương Hà | 10/04/1990 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 151 | Huỳnh Minh Phương | 07/11/1974 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 152 | Võ Trung Tín | 22/12/1979 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 153 | Phạm Trí Hùng | 27/06/1970 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 154 | Hoàng Thị Biên Thùy | 17/04/1984 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 155 | Nguyễn Thị Bích Mai | 18/10/1984 | Nữ | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 156 | Phan Huy Hồng | 17/11/1965 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 157 | Lê Nhật Bảo | 11/08/1991 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 158 | Lý Thành Nhân | 19/01/1995 | Nam | | Đại học | Luật học |
| 159 | Nguyễn Thị Thương | 01/10/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 160 | Lưu Quốc Thái | 25/08/1972 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 161 | Ngô Gia Hoàng | 02/03/1991 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 162 | Nguyễn Hương Ly | 16/10/1988 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 163 | Tăng Thị Bích Diễm | 25/03/1993 | Nữ | | Đại học | Luật học |
| 164 | Nguyễn Thị Thu Hiền | 10/05/1978 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 165 | Đặng Anh Quân | 30/03/1978 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 166 | Nguyễn Thị Thư | 05/10/1976 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 167 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 11/08/1983 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 168 | Từ Thanh Thảo | 20/11/1982 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 169 | Phạm Hoài Huân | 08/12/1983 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 170 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | 28/07/1986 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 171 | Ngô Thị Kim Hoàng | 07/08/1991 | Nữ | | Đại học | Luật học |
| 172 | Lê Thị Ngân Hà | 30/05/1985 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 173 | Trương Thị Tuyết Minh | 14/11/1983 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 174 | Phạm Văn Võ | 01/02/1969 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 175 | Trần Linh Huân | 22/11/1992 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-------------------------|------------|-----------|-----------------------|------------------|------------------------|
| 176 | Phan Thị Thành Dương | 10/06/1975 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 177 | Trần Thị Trúc Minh | 19/12/1975 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 178 | Nguyễn Thị Thúy | 10/06/1984 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 179 | Nguyễn Văn Hùng | 16/03/1971 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 180 | Nguyễn Hoàng Phước Hạnh | 03/04/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 181 | Đặng Quốc Chương | 05/07/1982 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 182 | Nguyễn Trung Dương | 26/06/1992 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 183 | Nguyễn Hoàng Thùy Trang | 24/08/1982 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 184 | Phạm Thị Minh Trang | 09/11/1994 | Nữ | | Đại học | Luật học |
| 185 | Nguyễn Tuấn Vũ | 06/02/1990 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 186 | Nguyễn Thị Kiều Oanh | 22/11/1977 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 187 | Bùi Thị Thanh Thảo | 09/07/1981 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 188 | Nguyễn Thị Hoài Thu | 08/03/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 189 | Phan Phương Nam | 21/03/1979 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 190 | Trần Hoàng Tú Linh | 09/04/1989 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 191 | Đặng Hoa Trang | 01/04/1990 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 192 | Nguyễn Văn Vân | 10/08/1967 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 193 | Danh Phạm Mỹ Duyên | 25/09/1992 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 194 | Lê Văn Tranh | 22/12/1986 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 195 | Phan Thị Kim Ngân | 09/11/1986 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 196 | Hà Thị Thanh Bình | 28/02/1973 | Nữ | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 197 | Trần Thăng Long | 08/12/1973 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 198 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 22/06/1967 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 199 | Lê Nét | 25/09/1971 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 200 | Lê Thị Thúy Hương | 25/05/1972 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 201 | Nguyễn Tú Anh | 27/04/1978 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 202 | Cao Vũ Minh | 11/08/1984 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 203 | Trần Thị Thùy Dương | 25/12/1974 | Nữ | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 204 | Hà Ngọc Quỳnh Anh | 05/09/1980 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 205 | Vũ Duy Cương | 01/06/1976 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 206 | Trịnh Anh Nguyên | 09/04/1973 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 207 | Trương Tư Phước | 14/04/1989 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| 208 | Thái Thị Tuyết Dung | 24/12/1976 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 209 | Nguyễn Thị Hải Vân | 27/03/1966 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 210 | Huỳnh Thị Thu Trang | 21/09/1972 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|--|------------------------|------------|-----------|-----------------------|------------------|------------------------|
| 211 | Lê Thị Nam Giang | 15/03/1969 | Nữ | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 212 | Dương Hoán | 27/03/1979 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 213 | Trần Hoàng Nga | 24/01/1971 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Luật học |
| 214 | Ngô Kim Hoàng Nguyên | 20/01/1985 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Luật học |
| Ngành Quản trị luật - QTKD | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Ngọc Duyên | 17/10/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 2 | Lê Hoàng Phong | 01/01/1985 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 3 | Trần Thùy Nhung | 19/04/1989 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 4 | Nghiêm Thị Vân Thanh | 16/10/1985 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 5 | Vũ Thị Thanh Vân | 19/04/1972 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | QTrL, QTKD |
| 6 | Nguyễn Thị Thủy | 11/11/1972 | Nữ | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | QTrL, QTKD |
| 7 | Nguyễn Quốc Phong | 20/08/1977 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 8 | Ngô Huỳnh Giang | 15/05/1980 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 9 | Hồ Hoàng Gia Bảo | 05/10/1991 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 10 | Vũ Quang Mạnh | 15/07/1988 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 11 | Nguyễn Minh Đạt | 14/05/1992 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | QTrL, QTKD |
| 12 | Nguyễn Quốc Ninh | 22/06/1984 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 13 | Hoàng Hương Giang | 26/09/1986 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 14 | Hoàng Thị Thúy | 20/09/1989 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 15 | Lương Công Nguyên | 08/06/1980 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | QTrL, QTKD |
| 16 | Nguyễn Xuân Tùng | 14/01/1959 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | QTrL, QTKD |
| 17 | Nguyễn Quyết Chiến | 06/11/1956 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | QTrL, QTKD |
| 18 | Nguyễn Thị Ngọc | 13/06/1980 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 19 | Hoàng Văn Long | 13/08/1977 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | QTrL, QTKD |
| 20 | Nguyễn Thanh Hoàng Anh | 10/04/1983 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 21 | Nguyễn Thị Thùy Dung | 23/10/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 22 | Hà Thị Thanh Mai | 01/02/1983 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 23 | Vũ Đức Nghĩa Hưng | 28/04/1985 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| 24 | Nguyễn Trọng Tín | 14/02/1988 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | QTrL, QTKD |
| Khối ngành VII Ngành Ngôn ngữ Anh | | | | | | |
| 1 | Phạm Thị Thùy Dung | 24/06/1990 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 2 | Phan Tuấn Ly | 08/08/1989 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 3 | Lương Minh Hiếu | 15/10/1991 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------------|------------|-----------|-----------------------|------------------|------------------------|
| 4 | Nguyễn Thảo Lâm Viên | 06/02/1993 | Nữ | | Đại học | NNPL |
| 5 | Hà Nhật Linh | 14/09/1991 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 6 | Nguyễn Kim Ngân | 09/09/1993 | Nữ | | Đại học | NNPL |
| 7 | Nhâm Thành Lập | 29/09/1989 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 8 | Trần Ngọc Lương Tuyền | 21/07/1972 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 9 | Nguyễn Thị Mai Phương | 15/12/1987 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 10 | Lê Nguyễn Thảo Thy | 10/09/1993 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 11 | Phan Lê Chi | 15/05/1971 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 12 | Nguyễn Vũ Pha Phim | 04/10/1984 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 13 | Cao Đăng Quỳnh Trâm | 03/03/1966 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 14 | Phạm Thị Phương Anh | 15/02/1978 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| 15 | Nguyễn Thái Sơn | 11/04/1987 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | NNPL |
| | Giảng viên cơ hữu môn chung | | | | | |
| 1 | Lê Thị Trường Giang | 04/06/1994 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 2 | Phạm Thị Minh Hải | 13/01/1984 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 3 | Phạm Thị Ngọc Thủy | 06/05/1968 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 4 | Nguyễn Thanh Hải | 28/10/1981 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Khoa KHCB |
| 5 | Lê Văn Bích | 10/05/1963 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 6 | Lê Thị Hồng | 05/06/1979 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 7 | Ngô Thị Minh Hằng | 22/09/1982 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 8 | Nguyễn Hữu Túc | 08/12/1977 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 9 | Trần Ngọc Anh | 23/10/1979 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 10 | Nguyễn Tất Hào | 22/04/1966 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 11 | Lê Thị Hồng Vân | 12/10/1963 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Khoa KHCB |
| 12 | Nguyễn Hoài Đông | 04/05/1980 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 13 | Phạm Văn Dinh | 30/05/1965 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 14 | Nguyễn Hiếu Hà | 09/10/1963 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 15 | Nguyễn Quốc Vinh | 03/02/1970 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Khoa KHCB |
| 16 | Trần Thị Rồi | 12/06/1965 | Nữ | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Khoa KHCB |
| 17 | Phạm Đình Nghiệm | 20/04/1961 | Nam | Phó giáo sư - Tiến sĩ | Tiến sĩ | Khoa KHCB |
| 18 | Đặng Thị Thanh Phúc | 17/06/1976 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Khoa KHCB |
| 19 | Lê Thế Tài | 29/06/1971 | Nam | Tiến sĩ | Tiến sĩ | Khoa KHCB |
| 20 | Nguyễn Bá Anh | 05/06/1967 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 21 | Nguyễn Thanh Khương | 24/03/1989 | Nam | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 22 | Lê Minh Tuyền | 21/11/1978 | Nữ | Thạc sĩ | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi¹

| II | Khối ngành | Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi |
|----|---|---|
| 1 | Khối ngành III (gồm 2 lĩnh vực: Lĩnh vực pháp luật, gồm Ngành Luật và Luật Thương mại quốc tế; Lĩnh vực kinh doanh - quản lý, gồm ngành Quản trị - Luật và Quản trị kinh doanh) | 20,66 SV/GV |
| 2 | Khối ngành VII (Lĩnh vực nhân văn, ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh) | 17,44 SV/GV |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020



Trần Hoàng Hải

¹ Việc quy đổi được tính theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 về xác định chi tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Tỷ lệ SV/GV ở đây được hiểu là tỷ lệ “SVCQ/GV cơ hữu quy đổi” và Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT, ngày 25 tháng 02 năm 2019, sửa đổi một số điều của Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018

Biểu mẫu 21

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học 2019-2020

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Học phí 1 SV/năm | Học phí dự kiến/1SV cả khóa học |
|------------|---|-----------------------|------------------|---------------------------------|
| I | Học phí hệ chính quy năm học 2019-2020 | Triệu đồng/ năm/SV | | |
| 1 | Tiến sĩ | - | 43.75 | |
| 2 | Thạc sĩ | - | 26.25 | 53.25 |
| | - Tuyển sinh NH 2018-2019 | | | |
| 3 | Đại học | - | 10.70 | 40.34 |
| | - Tuyển sinh trước NH 2017-2018 | | 17.50 | 77.50 |
| | - Tuyển sinh NH 2018-2019 | | 43.75 | |
| II | Học phí hệ chính quy chương trình khác năm học 2019-2020 | Triệu đồng/ năm/SV | | |
| 1 | Tiến sĩ | - | | |
| 2 | Thạc sĩ | - | | |
| | - Thạc sĩ liên kết với Pháp | - | 100.00 | 100.00 |
| | - Thạc sĩ liên kết với Tây Anh Quốc (HKI) | - | 44.00 | 69.00 |
| | - Thạc sĩ liên kết với Tây Anh Quốc (HKIII) | - | 25.00 | 25.00 |
| 3 | Đại học hệ cử tuyển | - | 17.50 | 77.50 |
| 4 | Đại học chất lượng cao | - | | |
| | - Tuyển sinh trước NH 2017-2018 | | 39.50 | 151.50 |
| | - Tuyển sinh NH 2018-2019 | | 43.75 | 182.50 |
| | - Tuyển sinh NH 2018-2019 (CLC QTL) | | 48.13 | 188.56 |
| 6 | Đại học chính quy văn bằng 2 | - | 26.30 | 68.30 |
| III | Học phí hệ vừa học vừa làm tại trường năm học 2019-2020 | - | | |
| 1 | Tiến sĩ | - | | |
| 2 | Thạc sĩ | - | | |
| 3 | Đại học | - | 15.80 | 73.39 |
| IV | Tổng thu năm 2019 | Tỷ đồng | 245.71 | |
| 1 | Từ ngân sách | - | 0.80 | |
| 2 | Từ học phí, lệ phí | - | 220.00 | |
| 3 | Từ nghiên cứu khọc học và chuyển giao công nghệ | - | | |
| 4 | Từ nguồn khác | - | 24.91 | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Hoàng Hải